

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT



(Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế lần đầu số 0101178800 do Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 27/09/2010)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: 74./2011/QĐ-SDGHCM do Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 06 năm 2011)

## TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt



### BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Trụ sở chính: Biệt thự số 18, BT5, khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3683 0516

Fax: (84-04) 3683 0618

Website: [www.ytevietnhat.com.vn](http://www.ytevietnhat.com.vn)

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính: 67 Hàm Nghi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 3588

Fax: (84-8) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999

Fax: (84-04) 3941 0844

Website: [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)

### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Nguyễn Thị Quỳnh Anh

- Chức vụ: Phó Giám đốc

Điện thoại: 04.36830516

- E-mail: [thongtinchungkhoanjvc@gmail.com](mailto:thongtinchungkhoanjvc@gmail.com)



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BẠI Y TẾ VIỆT NAM



(Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu số 0101178800 do Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 27/09/2010)

NIÊM YẾT CÔNG PHI  
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

Tên công phi: Công phi Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam  
Loại công phi: Công phi phổ thông  
Mức giá: 10.000 đồng/công phi  
Tổng số lần đăng ký niêm yết: 24.200.000 công phi  
Tổng giá trị đăng ký niêm yết: 242.000.000.000 đồng (theo mức giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính (IFC-ACA Group)



Địa chỉ: Phòng 1501 nhà 17T1, Trung Hòa - Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội.  
Điện thoại: (84-4) 6 2811 488  
Fax: (84-4) 6 2811 499  
Website: [www.acagroup.com.vn](http://www.acagroup.com.vn)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt



Trụ sở chính: 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209  
Chi nhánh Hà Nội: số 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 6262 6999 Fax: (84-04) 3941 0844  
Website: [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)



## MỤC LỤC

|             |                                                                                                                   |           |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I.</b>   | <b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b>                                                                                         | <b>4</b>  |
| 1.          | Rủi ro kinh tế                                                                                                    | 4         |
| 2.          | Rủi ro luật pháp                                                                                                  | 4         |
| 3.          | Rủi ro đối thủ                                                                                                    | 4         |
| 4.          | Rủi ro khác                                                                                                       | 5         |
| <b>II.</b>  | <b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>                                           | <b>6</b>  |
| 1.          | Tổ chức niêm yết                                                                                                  | 6         |
| 2.          | Tổ chức tư vấn niêm yết                                                                                           | 6         |
| <b>III.</b> | <b>CÁC KHÁI NIỆM</b>                                                                                              | <b>7</b>  |
| <b>IV.</b>  | <b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT</b>                                                                 | <b>9</b>  |
| 1.          | Giới thiệu chung về Công ty                                                                                       | 9         |
| 2.          | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển                                                                        | 9         |
| 3.          | Cơ cấu tổ chức và quản lý                                                                                         | 11        |
| 4.          | Cơ cấu cổ đông                                                                                                    | 14        |
| 5.          | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức niêm yết                                                    | 15        |
| 6.          | Hoạt động kinh doanh                                                                                              | 15        |
| 7.          | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm liền trước năm đăng ký                                          | 50        |
| 8.          | Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành                                                  | 52        |
| 9.          | Chính sách đối với người lao động                                                                                 | 53        |
| 10.         | Chính sách cổ tức                                                                                                 | 55        |
| 11.         | Tình hình hoạt động tài chính                                                                                     | 55        |
| 12.         | Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng                                                    | 63        |
| 13.         | Tài sản                                                                                                           | 74        |
| 14.         | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo                                             | 76        |
| 15.         | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận                                                                 | 79        |
| 16.         | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết                                      | 80        |
| 17.         | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết | 80        |
| <b>V.</b>   | <b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT</b>                                                                                       | <b>81</b> |



|             |                                                                                                                      |           |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1.</b>   | <b>Loại chứng khoán</b>                                                                                              | <b>81</b> |
| <b>2.</b>   | <b>Mệnh giá</b>                                                                                                      | <b>81</b> |
| <b>3.</b>   | <b>Tổng số cổ phiếu niêm yết</b>                                                                                     | <b>81</b> |
| <b>4.</b>   | <b>Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành</b> | <b>81</b> |
| <b>5.</b>   | <b>Phương pháp tính giá</b>                                                                                          | <b>81</b> |
| <b>6.</b>   | <b>Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài</b>                                                            | <b>83</b> |
| <b>7.</b>   | <b>Các loại thuế có liên quan</b>                                                                                    | <b>83</b> |
| <b>VI.</b>  | <b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT</b>                                                                       | <b>85</b> |
| <b>VII.</b> | <b>PHỤ LỤC</b>                                                                                                       | <b>85</b> |



## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro kinh tế

Trong năm 2010, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ đáng kể vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế 2008-2009, khi sản xuất công nghiệp, hoạt động đầu tư và nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng khá mạnh so với thời điểm năm 2009, kỳ vọng mang lại mức tăng trưởng cao cho nền kinh tế theo mức tiêu chuẩn chính phủ đặt ra (6,5% GDP)

Bên cạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nền kinh tế Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và rủi ro không nhỏ liên quan đến: hoạt động thương mại đang đối mặt với nhiều khó khăn từ việc xuất khẩu vào thị trường châu Âu làm tăng thêm hoạt động mua bán gây căng thẳng thương mại lên giá; lãi suất cho vay khó giảm nhanh theo chủ trương chính phủ sẽ làm tăng gánh nặng chi phí đi vay lên nền kinh tế; thâm hụt ngân sách và nợ công cao sẽ là rào cản không nhỏ cho hoạt động huy động vốn ngoại tệ trong thời gian tới. Những rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn.

Hoạt động nhập khẩu và kinh doanh thiết bị y tế có thu nhập cao, giá trị lớn của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biến động tiêu chuẩn của kinh tế, tác động trực tiếp đến chi phí đầu vào của các sản phẩm (do ảnh hưởng của tỷ giá) và chi phí đi vay của Công ty. Tuy nhiên trước những rủi ro khó đoán của nền kinh tế, Công ty đã hoạch định chiến lược phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu thiệt hại cho những giai đoạn phát triển tiếp theo.

### 2. Rủi ro luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm việc nhập khẩu thiết bị y tế nên sẽ chịu sự điều chỉnh trực tiếp từ các văn bản pháp luật liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật và thiết bị y tế do Bộ Y tế ban hành, và các văn bản pháp luật quy định về việc nhập khẩu và phân phối thiết bị y tế của Tổng cục Hải quan, Bộ Thương mại.

Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay còn chưa đồng bộ, hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành xuyên có nhiều sự điều chỉnh sửa đổi và bổ sung nhằm hoàn thiện hơn đã khiến hệ thống pháp luật không thể hoàn toàn đồng bộ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Những hạn chế rủi ro do ảnh hưởng của pháp luật, Công ty luôn cập nhật các thay đổi trong các chính sách của pháp luật để nắm bắt và vận dụng sao cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh do Công ty đặt ra.

### 3. Rủi ro đối thủ

Do công ty là đại diện cho tập đoàn thiết bị y tế Hitachi – Nhật Bản tại Việt Nam. Sản phẩm của công ty sẽ chịu sự cạnh tranh trực tiếp từ các tập đoàn thiết bị y tế từ các quốc gia tiên tiến khác trên thế giới, Pháp... Ngoài ra, do liên quan đến marketing, công ty cũng chịu rủi ro liên quan đến sức khỏe và tính mạng con người. Do đó, việc đặt chất lượng sản phẩm của Công ty luôn đặt lên hàng đầu, khi các thiết bị cung cấp đầu là do các hãng hàng đầu trên thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về thiết bị y tế phục vụ con người và các quốc gia. Dịch vụ khám chữa bệnh của Công ty cung cấp luôn được thực hiện bởi đội ngũ y bác có trình độ cao, đang công tác tại các bệnh viện đầu ngành tại Việt Nam.

Ngoài ra, hoạt động xuất nhập khẩu còn bị tác động bởi sự biến động tỷ giá giữa VND và JPY. Do tính chất thiết bị của Công ty đầu tư chủ yếu vào các thiết bị y tế và các thiết bị cung cấp sản phẩm kỹ thuật các thiết bị khác ngoài thiết bị thanh toán bằng ngoại tệ, vì vậy sự biến động tỷ



giá hối đoái sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty đã tiến hành phân tích các rủi ro này thông qua việc tham gia vào các hợp đồng ngoại hối và các bên liên quan. Ngoài ra, do công ty giữ được lý do quy định các sản phẩm cung cấp nên việc điều chỉnh giá bán hợp lý khi tỷ giá biến động quá lớn sẽ giúp công ty đảm bảo ổn định lợi nhuận của mình.

#### 4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các rủi ro trên có thể tác động lớn đến dòng tiền kinh tế, chính trị nói chung và ảnh hưởng đến hoạt động và hiệu quả của các doanh nghiệp nói riêng.

Phân bổ vốn và tài sản thương mại, vốn tiêu hao do công ty kinh doanh được chấp thuận bởi Hội đồng và quốc gia này mới chịu thuế nhà thầu và hoạt động và sống thọ tại tỉnh Fukushima. Tuy nhiên, các sản phẩm xuất khẩu của các Nhà cung cấp cho Công ty đều tập trung tại các địa điểm cách xa nơi xảy ra thảm họa có thể là tại các tỉnh Tokyo, Osaka, Kyoto... và thời gian hiện nay hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị cung cấp này vẫn diễn ra bình thường. Do đó, nguồn cung hàng hóa của Công ty vẫn ổn định và không bị ảnh hưởng bởi trận động đất và diễn biến.



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

Ông Lê Văn Hoàng

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Bà Hoàng Bích Ngọc

Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Vũ Thị Hoàng Linh

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi đã biết hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn niêm yết

Ông Nguyễn Quang Bảo

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt.

Theo giấy ủy quyền số 30/2009/QĐ-TGD.VCSC ngày 01/01/2009

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thiết Bại Y Tế Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và đưa ra nhận xét trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thiết Bại Y Tế Việt Nam cung cấp.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **“Công ty”**: Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam
2. **“Việt Nam”**: Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam
3. **“Bản cáo bạch”**: bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
4. **“Đầu tư”**: Đầu tư của Công ty Thiệt Bại Y Tế Việt Nam đã được Hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
5. **“Vốn đầu tư”**: số vốn do tất cả các đồng góp và được ghi vào Đầu tư của Công ty.
6. **“Cổ phần”**: vốn đầu tư được chia thành nhiều phần bằng nhau.
7. **“Cổ phiếu”**: chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty có thể có ghi tên và không ghi tên theo quy định của Đầu tư.
8. **“Cổ đông”**: tất cả các cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty
9. **“Cổ tức”**: số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.
10. **“Năm tài chính”**: năm مالی hai tháng tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán được ban hành theo quyết định số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo báo chí này có nội dung như sau:

|                   |                                         |
|-------------------|-----------------------------------------|
| <b>UBCKNN</b>     | Hội ban Chấp hành Khoán Nhà nước        |
| <b>SGDCKHCM</b>   | Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh    |
| <b>Công ty</b>    | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhất |
| <b>Tên đầy đủ</b> | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhất |
| <b>ĐHĐCĐ</b>      | Đại hội đồng cổ đông                    |
| <b>HĐQT</b>       | Hội đồng quản trị                       |
| <b>CBCNV</b>      | Cán bộ công nhân viên                   |
| <b>BHXH</b>       | Bảo hiểm xã hội                         |
| <b>BCTC</b>       | Báo cáo tài chính                       |
| <b>SXKD</b>       | Số xuất kinh doanh                      |
| <b>DTT</b>        | Doanh thu thuần                         |
| <b>LNTT</b>       | Lợi nhuận trước thuế                    |
| <b>LNST</b>       | Lợi nhuận sau thuế                      |

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT****1. Giới thiệu chung về Công ty**

**Tên Công ty** CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BẠI Y TẾ VIỆT NAM

**Tên giao dịch:** JV., JSC

**Trụ sở chính:** Biệt thự số 18, BT5, khu đô thị Pháp Vân – Thủ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**Điện thoại:** (04) 36830516

**Fax:** (04) 36830618

**Email:** [jandv@hn.vnn.vn](mailto:jandv@hn.vnn.vn)

**Website:**

**Logo:**



**Vốn điều lệ:** 242.000.000.000 đồng

**Giấy CNĐKKD:** Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế số 01011788800 do Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Đãi lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế;
- Sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế;
- Cho thuê, khai thác thiết bị y tế;
- Buôn bán hàng điện, điện tử và thiết bị điện tử, thiết bị bưu chính viễn thông, máy tính và thiết bị có liên quan, công nghệ tin học, phần mềm ứng dụng tin học liên quan đến thiết bị y tế
- Sản xuất, lắp ráp, gia công trong nước và xuất khẩu: Linh kiện, thiết bị y tế. Linh kiện, thiết bị điện tử;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa

**2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****Năm 2001**

Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y tế Việt Nam tiền thân là công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nam, được thành lập vào ngày 27/09/2001 với ngành nghề kinh doanh chính là mua bán, cho thuê Thiết bị y tế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì Thiết bị y tế. Trong những ngày đầu thành lập, vốn điều lệ của Công ty là 6 tỷ đồng, nhân số công ty chỉ có 05 người bao gồm lãnh đạo công ty, kế toán, kinh doanh, và kỹ thuật

**Năm 2002**



Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nam chính thức trở thành đại lý độc quyền về thiết bị y tế của Công ty Hitachi Medical System tại Việt Nam, chuyên cung cấp các dòng sản phẩm chính máy cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp vi tính (CT-scanner system), máy X-quang (X-ray system), máy siêu âm (Ultrasound-scanner system).

Cũng trong năm này, Công ty bắt đầu thiết lập quan hệ với một số bệnh viện lớn qua các hợp đồng liên kết khai thác máy như bệnh viện Bạch Mai, bệnh viện đa khoa các tỉnh Thái Bình, Đồng Nai, Kiên Giang.... Đi cùng với sự phát triển của công ty, số lượng nhân viên của Công ty tăng lên 27 người.

### Năm 2003

Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nam trở thành nhà phân phối thiết bị cho một số hãng nổi tiếng trên thế giới như Nemoto (máy bơm thuốc cản quang/cản tia tia đen), ELK (máy in, máy đo huyết áp tia đen...), KINKY Roentgen (máy X-quang răng...)

### Năm 2004-2005

Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nam được tập đoàn Toray Medical lựa chọn là nhà phân phối thiết bị máy thở nhân tạo tại Việt Nam

Số nhân viên của công ty vào thời điểm này đã là 73 người theo nhu cầu sản xuất kinh doanh mới

### Năm 2006

Căn cứ vào nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty Việt Nam thêm Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### Năm 2007

Tháng 05/2007, Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nam đã nghiên cứu thành công và cho ra mắt hệ thống xe khám bệnh lưu động đầu tiên tại Việt Nam. Trên xe có gắn các thiết bị y tế hiện đại: Siêu âm, X-quang kỹ thuật số, máy xét nghiệm...

Tháng 07/2007, Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nam ký hợp đồng phân phối với Carestream Kodak trở thành nhà phân phối X-quang kỹ thuật số DR/CR, máy in và vật tư đi kèm

Cũng trong năm này, Công ty trở thành nhà phân phối của hãng Fuji, chuyên cung cấp các sản phẩm hệ thống đồ đạc và xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số tại Việt Nam.

### Năm 2008

Công ty Việt Nam hoàn thành xong Trung tâm kỹ thuật cao tại 22- Nguyễn Bình Khiêm- Hà Nội liên kết với Bệnh viện hiện nay hệ cơ sở truyền TW. Tại trung tâm, công ty đã đầu tư máy thở nhân tạo, máy Cộng hưởng từ, máy xét nghiệm lâm sàng, máy nội soi để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

### Năm 2009

Đầu năm 2009, Công ty đã kết hợp với các chuyên gia kỹ thuật hàng đầu của Nhật Bản (kể cả với trên 30 năm kinh nghiệm) thành lập ra Trung tâm nghiên cứu sản xuất Máy X-quang tại Việt Nam.

Trong cùng thời gian đầu năm 2009, công ty đã tiến hành ký hợp đồng đầu tư xây dựng Khu khám chữa bệnh chất lượng cao (thời gian đầu tư: 49 năm) với Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ tại TP. Việt Trì. Khu khám chữa bệnh chất lượng cao với 200 giường bệnh và các Thiết bị y tế



hiện đời, tiến nghiên cứu : máy Công nghệ siêu âm, CT- scanner đa lát, X- quang số hóa, giải phẫu bệnh giải mô tô, phòng mổ, bàn mổ hiện đời,... chức chức năng là nơi đi đầu trị, khám chữa bệnh hiệu quả cho người dân.

Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật trở thành đại lý cho một số công ty: Kaigen Corporation với dòng kính, máy nội soi và máy khíp trùng dòng kính nội soi.

Trong thời gian này, Công ty đã hoàn tất thủ tục và thành lập Phòng khám bệnh đa khoa Việt Nhật tại 571- Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội nhằm phục vụ cho nhu cầu khám điều trị tại các Khu công nghiệp và công tác khám chữa bệnh tại chỗ.

### Năm 2010

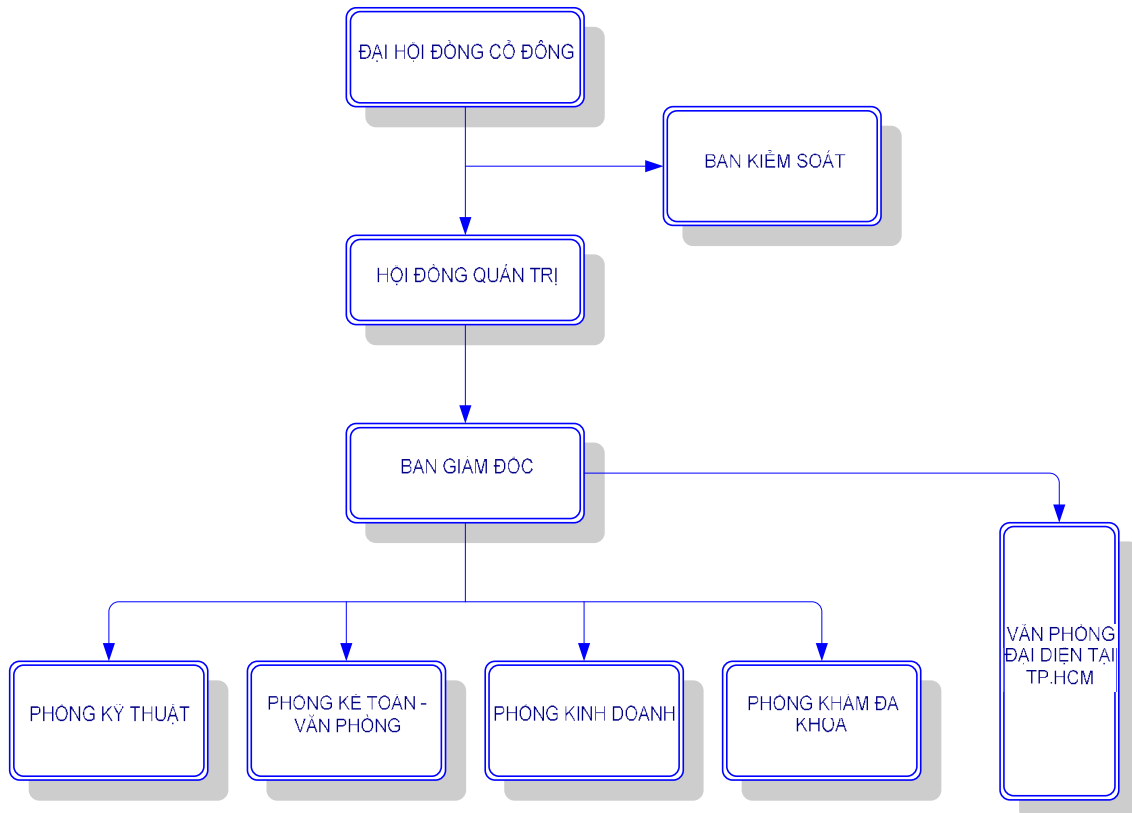
Công ty đã ký hợp đồng phân phối độc quyền sản phẩm thuốc nội mô của hãng Senjiu- Nhật Bản

Căn cứ vào nhu cầu vốn để mở rộng kinh doanh, ngày 09/09/2010, Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 6 triệu đồng lên 242 triệu đồng.

Ngày 27/09/2010, Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Thiết Bị Y Tế Việt Nhật theo Giấy phép ĐKKD và đăng ký thuế số 01001178800 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/09/2010.

## 3. Cơ cấu tổ chức và quản lý

### 3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức



### 3.2 Diện tích



### 3.2.1 Đối tượng đăng ký đông

Đối tượng đăng ký đông gồm tất cả Công đồng có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định nội dung và nội dung thu nhập và quyết định nội dung luật pháp và điều lệ Công ty quy định.

### 3.2.2 Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ nội dung và nội dung thu nhập quy định của ĐHCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và nội dung nội bộ và quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Việt Nhất có 08 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm. Chức năng Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

### 3.2.3 Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty gồm 02 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm. Thành viên Ban kiểm soát còn thiêu đủ kiện số bổ sung tại ĐHCĐ gần nhất trong năm 2011.

### 3.2.4 Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty theo Điều lệ Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty hiện có 03 phó giám đốc bao gồm:

- **Phó Giám đốc Quản lý chung:** Chịu trách nhiệm điều hành, quản lý công ty khi Giám đốc vắng mặt, cùng Giám đốc điều hành, giám sát mọi hoạt động kinh doanh của công ty.
- **Phó Giám đốc Kinh doanh:** Chịu sự quản lý của Giám đốc và Phó Giám đốc Quản lý chung; Quản lý, giám sát trực tiếp tình hình hoạt động kinh doanh của công ty; Lập kế hoạch kinh doanh, các chiến lược quảng bá, marketing thúc đẩy phát triển các lĩnh vực kinh doanh và các sản phẩm mới; Liên hệ với các đối tác nội bộ và ngoài với sản phẩm, giá cả sản phẩm, tìm kiếm các sản phẩm và các đối tác mới; Trao đổi với các đối tác nội bộ và ngoài để đào tạo kinh doanh cho công ty (đào tạo trong nội bộ và ngoài).
- **Phó Giám đốc Kỹ thuật:** Chịu sự quản lý của Giám đốc và Phó Giám đốc quản lý chung; Quản lý, giám sát trực tiếp toàn bộ các hoạt động liên quan đến kỹ thuật của công ty như: Lắp đặt máy móc, thiết bị, bảo hành, bảo trì, các hoạt động dịch vụ; Liên hệ với các đối tác nội bộ và ngoài trong việc cung cấp các linh kiện, các bộ phận thay thế phụ tùng cho công tác bảo hành, bảo trì các sản phẩm của công ty và cho khách hàng; Trao đổi với các đối tác nội bộ và ngoài để đào tạo đội ngũ kỹ sư (đào tạo trong nội bộ và ngoài).

### 3.2.5 Các phòng ban chức năng

#### 3.2.5.1 Phòng kinh doanh:

- Trách nhiệm tiếp xúc với khách hàng (đã được Công ty phân công theo từng tỉnh), chăm sóc, theo dõi nhu cầu của khách hàng để cung cấp các sản phẩm, thiết bị y tế, tiêu

doanh thu cho công ty.

- Trách nhiệm tham gia các hoạt động Marketing, quảng bá, giới thiệu sản phẩm tới các khách hàng trên khắp các nước.
- Tham gia đầu tư cung cấp sản phẩm theo từng gói thầu (Trái phiếu chính phủ, Ngân sách Bộ, Sở y tế, Ngân sách của Tỉnh hoặc các Bộ ngành, các dự án như World Bank, Jica,...)
- Theo dõi, negotiate giao, quản lý hoạt động liên kết Thị trường dịch vụ tại các bộ ngành để kết nối liên kết của công ty.
- Làm các công việc khác liên quan đến lĩnh vực kinh doanh.

#### 3.2.5.2 Phòng Kế toán- Văn phòng:

- Thực hiện các công việc khác liên quan đến tài chính, kế toán của công nhân: Lập báo cáo tài chính, theo dõi thu - chi, theo dõi Nhập- Xuất- Tiền hàng hóa, theo dõi công nợ, .... Lập báo cáo gửi cơ quan Thuế hàng tháng và các cơ quan chức năng khác.
- Lập kế hoạch tài chính báo cáo cho Giám đốc để có kế hoạch đầu tư phù hợp với nhu cầu kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm lập báo cáo, theo dõi, quản lý và chi trả, chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, Bảo hiểm XH, BHYT, ... và các chế độ khác cho người lao động (CBCNV công ty)
- Trách nhiệm quản lý, theo dõi và tình hình nhân sự trong công ty.
- Các công việc khác liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán.

#### 3.2.5.3 Phòng Kinh doanh:

- Bộ phận Kinh doanh
  - Trách nhiệm lập kế hoạch, báo hành, báo trình hàng ngày và hành sản phẩm đến tay khách mua hàng.
  - Quản lý danh sách khách hàng đã mua sản phẩm công ty, trách nhiệm tham gia các công việc Marketing để ký các hợp đồng service với khách hàng.
  - Theo dõi, giám sát và xử lý các sự cố khiếu nại từ phía các Thị trường đầu tư liên kết tại các Bộ ngành.
  - Làm các công việc liên quan đến kết quả
- Bộ phận Kinh doanh viên
  - Trách nhiệm quản lý, theo dõi Thị trường liên kết tại các Bộ ngành, quản lý doanh số thu được từ các Thị trường liên kết để cuối tháng báo cáo với Công ty.

#### 3.2.5.4 Phòng Khám đa khoa

Phòng khám bệnh đa khoa Việt Nhất của Công ty được đặt tại 571- Giới Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội nhằm phục vụ cho nhu cầu khám và điều trị tại các Khu công nghiệp lân cận và công tác khám chữa bệnh tại cộng đồng dân cư. Năm 2007, Công ty đầu tư vào khai thác, vận hành hệ thống xe khám bệnh lưu động đầu tiên với các thiết bị y tế hiện đại nhất nhằm phục vụ cho nhu cầu khám và điều trị tại các Khu Công nghiệp lân cận trên các nước.

#### 3.2.6 Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh



Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh có địa chỉ tại 83 Trần Hưng Đạo - Phường 7 - Quận Phú Nhuận - TP. HCM, có nhiệm vụ chính là đại diện cho Công ty tìm kiếm, phát triển các cơ hội kinh doanh và thực hiện các hợp đồng đã ký kết của Công ty tại khu phía Nam (từ Đà Nẵng trở vào). Các cơ sở trực tiếp và chức năng hoạt động cũng giống như Trụ sở công ty, chịu sự quản lý, giám sát trực tiếp của các Phòng ban tại trụ sở công ty.

#### 4. Cơ cấu cổ đông

##### 4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%

Căn cứ vào danh sách cổ đông của Công ty chốt vào ngày 20/04/2011, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của Công ty trở lên bao gồm:

| STT | Tên cổ đông                                         | Giấy CMND  | Địa chỉ                                                               | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (Triệu đồng) | Tỷ lệ |
|-----|-----------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------|-------|
| 1   | Lê Văn Hưng                                         | 011924999  | 23 Hàn Thuyên - Hà Nội                                                | 13.310.000 | 133.100                      | 55%   |
| 2   | Nguyễn Phong Hoàng                                  | 011932028  | 23 Hàn Thuyên - Hà Nội                                                | 1.210.000  | 12.100                       | 5%    |
| 3   | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt | 08/TB-UBCK | Phòng 2, Lầu 19, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM | 1.452.000  | 14.520                       | 6%    |

##### 4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/09/2010), Công ty không có cổ đông sáng lập.

##### 4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 20/04/2011

| STT | Cổ đông             | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Giá trị (Triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|---------------------|------------------|-----------------------------|----------------------|------------------|
| 1.  | CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC  | 147              | 24.200.000                  | 242.000              | 100%             |
| 1.1 | Tổ chức             | 1                | 1.452.000                   | 14.520               | 6%               |
| 1.2 | Cá nhân             | 146              | 22.748.000                  | 227.480              | 94%              |
| 2.  | CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI  | 0                | 0                           | 0                    | 0                |
| 2.1 | Tổ chức             | 0                | 0                           | 0                    | 0                |
| 2.2 | Cá nhân             | 0                | 0                           | 0                    | 0                |
| 3   | CỔ PHI MỤC QUẢN (*) | 0                | 0                           | 0                    | 0                |



| STT | Cổ đông   | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Giá trị (Triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|-----------|------------------|-----------------------------|----------------------|------------------|
| 4.1 | TỔNG CỘNG | 147              | 24.200.000                  | 242.000              | 100%             |

## 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức niêm yết

Không có

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Lĩnh vực hoạt động và sản phẩm dịch vụ chính của Công ty

Hiện nay, sản phẩm dịch vụ cung ứng ra thị trường của Công ty bao gồm:

#### 6.1.1. Kinh doanh thiết bị y tế

Kinh doanh thiết bị y tế là mảng hoạt động chính của Công ty, chiếm tỷ trọng trên 40% tổng doanh thu công ty. Công ty chuyên cung cấp các dòng sản phẩm thiết bị y tế công nghệ cao như máy chụp cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp vi tính (CT-scanner system), máy X-quang (X-ray system), máy siêu âm (Ultrasound-scanner system), hệ thống chụp X-quang số, máy chụp tuyến nhân tạo, máy xét nghiệm huyết học, máy đo tốc độ khúc xạ, máy đo độ dày tinh thể... được nhập từ các nhà sản xuất Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore.

Với lợi thế là đối lý độc quyền và nhà phân phối chính thức cho các tập đoàn hàng đầu về thiết bị y tế trên thế giới, Công ty là đơn vị duy nhất cung cấp sản phẩm của các hãng này vào thị trường Việt Nam. Các sản phẩm công ty cung cấp có giá cả cạnh tranh, đội ngũ cán bộ, kỹ thuật viên bán và sau bán hàng được đào tạo bởi chính các hãng sản xuất tại Nhật Bản, các nguồn máy móc, linh kiện thay thế phong phú từ nhà sản xuất, có khả năng cung cấp các dịch vụ sau bán một cách đầy đủ nhất. Bên cạnh đó, với kinh nghiệm và khả năng cung cấp sản phẩm linh hoạt, Công ty có lợi thế trong việc đầu tư có khả năng thích ứng với các biến động do Chính phủ và các Tổ chức quốc tế World Bank, Jica đầu tư...

Trong năm 2010, Công ty đã tiêu thụ được 04 máy cộng hưởng từ, 11 máy chụp cắt lớp vi tính, 14 máy X-quang, 20 máy siêu âm, 20 hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số và 03 hệ thống đo độ khúc xạ hình ảnh X-quang kỹ thuật số. Bên cạnh đó là một số các sản phẩm do Công ty phân phối:

### Hình ảnh và công dụng các sản phẩm tiêu biểu của Công ty

| STT | Sản phẩm | Hình ảnh sản phẩm |
|-----|----------|-------------------|
|-----|----------|-------------------|

#### I Nhóm SP Hitachi

#### 1 Cộng hưởng từ

##### 1.1 Cộng hưởng từ nam châm siêu dẫn Echelon

- Là hệ thống cộng hưởng từ nam châm siêu dẫn - pha tạp pháp tạo từ trường từ 0,5 đến 1,5 Tesla trong kỹ thuật chụp cộng hưởng từ nói chung, thời gian chụp nhanh, độ dày lát cắt mỏng (0.05 mm) nên tạo ra hình ảnh rõ nét.
- Công suất từ trường: 1.5 Tesla

| STT | Số sản phẩm | Hình ảnh sản phẩm |
|-----|-------------|-------------------|
|-----|-------------|-------------------|

- Được sử dụng trong việc khảo sát hình thái não kinh sọ não, cột sống....
- Cho phép hình ảnh siêu âm giúp chẩn đoán sớm một số bệnh lý não kinh trung ương của thai nhi mà không ảnh hưởng đến sự phát triển của em bé ( trong khi đây lại là hạn chế của các hình thức siêu âm thông thường có từ trường thấp từ 0.2T đến 0.4T; hoặc không thể chẩn đoán bệnh cho phép CT Scanner hay siêu âm không cho kết quả như mong đợi)



### 1.2 Công nghệ siêu âm Airis Vento

- Hình thức siêu âm siêu âm nam châm vĩnh cửu với thiết kế khoang chụp mở, thân thiết với bệnh nhân và dễ thao tác cho người sử dụng.
- Công nghệ từ trường 0.3 Tesla
- Rất hữu ích trong việc chẩn đoán và phát hiện các bệnh lý về não kinh, hệ vận động, các khối u có kích thước nhỏ đến 0,1 mm...



### 1.3 Công nghệ siêu âm Aperto Eterna

- Hình thức siêu âm siêu âm nam châm vĩnh cửu với thiết kế thân thiết với người sử dụng.
- Công nghệ từ trường : 0.4 Tesla tạo hình ảnh sắc nét với tốc độ nhanh.
- Dùng trong các trường hợp phát hiện khối u não, hình thái não....
- Có khả năng chụp nhiều bộ phận trên cơ thể với các loại coil (các cuộn dây thu nhận tín hiệu) cho phép đa dạng thích hợp với từng bộ phận.



## 2 Máy Chụp cắt lớp CT- Scanner

### 2.1 Máy CT- Scanner Eclos 4 lát, 8 lát, 16 lát

- Là hình thức chụp cắt lớp vi tính đa lát cắt (từ 4 đến 16 lát cắt)
- CT đa lát là bước phát triển vượt bậc so với CT đơn lát với thời gian chụp nhanh và số lát cắt tăng lên đáng kể nên sẽ ghi lại được nhiều hình ảnh cho mô phỏng phát tia, giảm liều bức xạ cho bệnh nhân.
- Thời gian chụp ngắn hơn rất phù hợp với người già



| STT | Số sản phẩm | Hình ảnh sản phẩm |
|-----|-------------|-------------------|
|-----|-------------|-------------------|

và trẻ em.

- Hiệu quả trong việc chẩn đoán các bệnh lý về tim mạch: máu não, ngăn ngừa đột quỵ; chẩn đoán khối u có kích thước > 10 mm (u nhày, u phổi, u gan...); tầm soát khối u di căn từ khối u quỵ; chẩn đoán các bệnh lý về mạch máu với chỉ định CT Angio (tắc động mạch, giãn, phình mạch, u máu...)

## 2.2 Máy CT- Scanner Scenaria 64 lát

- Là hệ thống chụp CT đa lát cắt hiện đại và bền bỉ với các tính năng ưu việt trong việc chẩn đoán mạch vành, tim hình tim...
- Thời gian chụp nhanh, thu được 64 lát cắt từ 1 vòng quay và 64 ảnh trong 1 vòng quay.
- Đo lường thu nhận tín hiệu và tín hiệu điện tim, phân tích và tái tạo hình ảnh khi chẩn đoán mạch vành.
- Ngoài các chức năng cơ bản như 1 hệ thống CT đa lát, Scenaria được trang bị các phần mềm xử lý mạch máu đa dạng giúp chẩn đoán: chức năng tim, chụp hình tim và đo lường mạch vành;; khảo sát, đánh giá vôi hóa mạch vành, tim đó có thể ngăn ngừa đột quỵ....



## 3 Máy X- quang

### 3.1 Máy X- quang cao tần Radnext 32

- Hệ thống di động khi cần phát tại vùng phẫu thuật bằng kỹ thuật hình ảnh sắc nét và chất lượng cao.
- Hệ thống được tích hợp trong không gian lắp đặt nhỏ, giao diện thân thiện, di động khi cần bảo trì, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.



### 3.2 Máy X- quang cao tần Radnext 50

- Hệ thống có sẵn kết hợp giữa tính hiệu quả và độ chính xác cao.
- Với hành động giúp cho tim lên mức quan trọng nhất với bệnh nhân.
- Màn hình LCD dễ dàng sử dụng, hiển thị với màn hình LED



| STT | Số n phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hình ảnh số n phẩm                                                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.3 | <b>Máy X- quang cao t n Clinix II</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- H th ng đem đ n ch t l o ng hình nh t t nh t v i thi t k nh g n.</li> <li>- Máy đáp ng nhu c u ch p v i thao tác đ n gi n, m r ng ph m vi th m khám các vùng c a c th .</li> <li>- Cho phép ch n đoán X quang v i hình nh ch t l o ng cao, m n.</li> </ul>                                                                                                                                             |    |
| 3.4 | <b>Máy X- quang tăng sáng truy n hình Populus SO</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho hi u su t cao và v n hành đ n gi n, linh ho t cho phép kh n ng đ ng r ng r i trong lâm sàng</li> <li>- Hình nh rõ ràng s c nét đ t ch t l o ng cao, th a m n yêu c u c a ng i s d ng.</li> <li>- H th ng đ c tích h p ph n m m ch p k thu t s , giúp rút ng n th i gian ch p, nâng cao hi u qu làm vi c.</li> </ul>                                                                 |    |
| 3.5 | <b>Máy X- quang di đ ng 130H series</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy đ c thi t k g n nh , không s d ng dây cao áp, h th ng c quy đ c tích h p do v y ko ph thu c vào ngu n đ n l o i c a b nh vi n, thu n t i n trong vi c di chuy n máy t i bu ng c a b nh nh n. Có th thao tác ch p ngay c khi m t đ n l o i.</li> <li>- Tính c đ ng cao ph c v cho các t th ch p t i các bu ng b nh</li> <li>- Đáp ng đ c các nhu c u th m khám t i gi n ng và c p c u.</li> </ul> |  |

| STT | Số sản phẩm | Hình ảnh sản phẩm |
|-----|-------------|-------------------|
|-----|-------------|-------------------|

#### 4.1 Siêu âm EUB- 7000HV

- Là n đầu tiên h thng siêu âm 7000HV đ c h tr phn m m Real-time Tissue Elastography giúp cho vi c h n đoán kh i u đ c đ d dàng h n, đ c bi t là ch n đoán kh i u ng c.
- Ph n ng pháp ch n đoán đ c xây d ng đ a vào s đ n h i c a các mô và đ c th h n b n g các m ng màu nh m phân bi t tính ch t c a các t ch c mô là c ng hay m m



#### 4.2 Siêu âm EUB- 5500

- M t trong nh ng đi m y u th n ng g p c a h thng siêu âm là s ch m tr do th c h n chuy n đ i t ch c n ng n ày sang ch c n ng khác ho c n ng đ n g n ày sang n g đ n g khác. V i h thng EUB-5500 h u nh không có s ch m tr nào.
- S đ n g đ u dò 3D c a Hitachi có th tái t o th i gian th c c a hình nh 3D và đ d dàng quan sát khuôn m t c a thai nhi. Đ u dò Convex và đ u dò âm đ o t n g thích.
- D li u 3D thu t đ n g, hình nh thu đ c v i ch t l o ng cao ít b bi n đ n g. Đ u dò 3D c a Hitachi có tr n g l o ng vô cùng nh và thi t k đ d đ n g đ d dàng cho phép ng i s đ n g th c h n các phép ki m tra không b m t m i.



## II Nhóm sản phẩm Carestream Health KODAK

### 1 Máy CR 975

- H thng thu nh n và x lý hình nh x-quang k thu t s
- T c đ x lý: 101 cassette/gi v i c 35x43cm
- Có h tr phn m m x lý x-quang mamography v i đ phân gi i cao
- Màn hình ch m 17 inches
- Cung c p cassette dài 43x129cm giúp mang l i hình nh ch p x-quang toàn di n



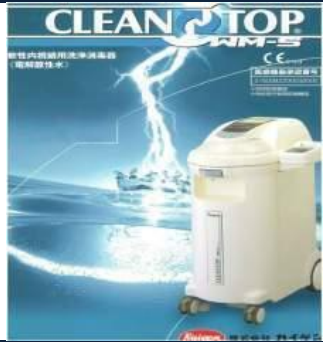
### 2 Máy CR Elite

- H thng thu nh n và x lý hình nh x-quang k thu t s
- X lý hình nh v i t c đ cao.
- Cung c p công c t n g ch t l o ng hình nh cho ch t l o ng hình nh x-quang đ t h i u qu cao



| STT                           | Số sản phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hình ảnh sản phẩm                                                                    |
|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 3                             | <b>Máy CR Classic</b><br>-Hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số<br>-Tích hợp xử lý hiệu quả, tăng cường chất lượng hình ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                              |    |
| 4                             | <b>Máy CR POC360</b><br>-Hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số nhỏ gọn và tiện ích với chi phí đầu tư hợp lý<br>-Tích hợp xử lý phù hợp với các bệnh viện quy mô nhỏ.                                                                                                                                                                                                                                    |    |
| 4                             | <b>Máy DR chụp răng: KODAK 9500 và 9000C 3D</b><br>-Hệ thống chụp và xử lý hình ảnh x-quang răng toàn cảnh tái tạo 3D                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |
| 5                             | <b>Máy DR X1</b><br>-Hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số không dây, sử dụng công nghệ Flat panel cho chất lượng hình ảnh sắc nét và thời gian chụp, xử lý nhanh, khoảng 17 giây<br>-Kích thước tấm Detector phù hợp với kích cỡ khay chứa cassette của các loại x-quang thông dụng là 35x43cm<br>-Trọng lượng nhỏ gọn dễ dàng thao tác khi chuyển đổi vị trí<br>-Bộ phận chụp Pin sạc có công suất lớn |  |
| <b>III Nhóm sản phẩm Fuji</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                      |
| 1                             | <b>Máy CR XG 5000</b><br>-Thiết bị đọc dữ liệu x-quang đã được số hóa trên tấm IP<br>-Có thể kết hợp với 1 hoặc nhiều máy tính chuyên dùng (console) có tích hợp phần mềm quản lý dữ liệu giúp cho việc chụp và xử lý hình ảnh x-quang đạt hiệu suất cao<br>-Số lượng khe đặt cassette: 04 khe<br>-Tích hợp xử lý video trực tiếp                                                                                          |  |



| STT | Số n phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hình ảnh số n phẩm                                                                    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | <b>Máy CR Profect CS</b><br>- Thiết bị đo c đo liều x-quang k thu t s v i 4 khe đo c có tích h p ph n m m x lý hình nh ch p ng c.<br>- T c đo x lý cao.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |    |
| 3   | <b>Máy CR Casula XLII</b><br>- H th ng đo c và x lý hình nh x-quang k thu t s v i 1 khe đo c, g n nh và t i t k i m không gian l p đ t<br>- T c đo x lý hi u qu                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |
| IV  | <b>Nhóm số n phẩm th n Toray Medical</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                       |
| 1   | <b>Máy ch y th n TR 3000Mirai, TR- FX, TR-8000 "YUGA"</b><br>- V i công ngh tiên ti n c a t p đoàn Toray s mang đ n s th o i máu cho ng i b nh và thao tác v n hành đ n gi n cho ng i s đ ng máy th n Toray TR-3000 Mirai, Toray TR-FX và Toray TR-8000 "YUGA"<br>Mục đích c a vi c ch y th n nhân t o là:<br>- Bài ti t các ch t c n b a và ch t đ c đ i v i c th đ i v i các b nh nhân suy th n.<br>- Đ i u hòa các thành ph n trong máu.<br>- Đ i u hòa huy t áp. |   |
| V   | <b>Nhóm số n phẩm Kaigen</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                       |
| 1   | <b>Máy r a dây n i soi Cleantop</b><br>- Máy làm s ch dây n i soi m m b ng ph ng pháp s đ ng dung dịch đ i n phân<br>- Kh c ph c nh c đ i m c a ph ng pháp r a th công thông th ng (ngâm dây n i soi vào dung dịch hóa ch t, r i r a b ng tay, không đ i t khu n hoàn toàn và m t nhi u th i gian): có kh năng đ i t khu n 100%, v i th i gian ng n.                                                                                                                 |  |
| VI  | <b>Máy xét nghi m sinh hóa t đ ng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                       |

| STT | Số n phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hình ảnh số n phẩm |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | <b>Biolis 24i Premium</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hỗ trợ việc đi u tr ở c d dàng và tăng hi u qu xét nghi m,</li> <li>-Đem đ n gi i pháp t i u trong đi u tr thông th ng,</li> <li>-Đi u tr STAT và đáp ng yêu c u m r ng phân tích lâm sàng.</li> <li>-Cung c p các ch c năng m i t i n i, nh ki m tra k t qu đ nh c không t ng thích b ng ch s đ c báo hi u trong vi c đ i chi u v i các k t qu tr c đó, và có kh năng s d ng nhi u m u th gi ng nhau trong cùng khay</li> <li>-T c đ x lý: 240 test/h</li> </ul> |                    |
| 2   | <b>Biolis 12i</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Là máy xét nghi m sinh hóa t đ ng nh g n, k t qu có trong vòng 15 phút k t th i đ i m l y đ c m u th</li> <li>-T c đ x lý: 120 test/h</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                    |

| VII | Các Thi t b ph tr                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Máy in phim KODAK: Laser DV5850, 5800, 6800,...</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Là thi t b không th thi u cho các Thi t b ch n đoán hình nh nh Máy C ng h ng t , máy CT-Scanner, Máy X- quang, X- quang s hóa, V i nh ng tính năng v t tr i, th i gian in nhanh, cho ra hình nh (phim ch p) rõ nét ph c v cho công tác ch n đoán b nh c a các y các s .</li> </ul> | <div> <div>Máy in DV6800</div> </div> <div> <div>Mávin DV5850</div> </div> |
| 2   | <b>Máy in phim FUJI: Drypix 4000, Drypix 7000,...</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-T ng t nh máy in c a KODAK, các s n phẩm c a Fuji cũng cho ch t l ng hình nh đ p, giá c cũng r t c nh tranh.</li> </ul>                                                                                                                                                             |                                                                            |
| 3   | <b>Máy b m thu c c n quang Nemoto: A60, b m c n t</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-B m c n quang dùng cho Máy CT- Scanner, máy b m c n t dùng cho Máy C ng h ng t ph c v cho vi c ch p CT- Scanner đ i v i nh ng b nh nhân có kh i u.</li> </ul>                                                                                                                       | <div> <div>B m c n t</div> </div> <div> <div>B m c n quang</div> </div>    |

#### 6.1.2. Kinh doanh v t t tiêu hao cho các thi t b y t

Song song v i vi c cung c p trang thi t b y t hi n đ i, công ty c òn cung c p các v t t tiêu hao đi kèm ph c v cho quá trình v n hành, b o trì các s n phẩm do công ty cung c p bao

gồm các loại vật tư, linh kiện cho các sản phẩm máy chụp y tế, phim laser, phim analog, thuốc rửa phim cho các máy chụp X-quang....

Doanh thu từ sản phẩm vật tư tiêu hao chiếm tỷ trọng trên 30% tổng doanh thu của Công ty trong năm 2010. Đến thời điểm tháng 12 năm 2010, Công ty đã tiêu thụ được các hàng 95.000 cuộn phim, thuốc rửa phim của phim của KODAK, 26.000 cuộn phim, thuốc rửa phim của Fuji, 107.000 cuộn phim vật tư cho máy chụp: dịch tủy, quai ốc chụp, dây máu, kim truyền... Sản phẩm tiêu thụ tiếp tục tăng thêm với các hợp đồng đã ký. Đây là nguồn doanh thu rất ổn định và luôn có sự tăng trưởng bền vững do các thiết bị chính hãng do công ty cung cấp cho có thể sử dụng các loại vật tư chính hãng đi kèm và Công ty cũng là đơn vị duy nhất cung cấp các vật tư của các hãng này vào thị trường Việt Nam.

| STT | Sản phẩm              | Hình ảnh sản phẩm |
|-----|-----------------------|-------------------|
| I   | Vật tư tiêu hao KODAK |                   |

### 1 Các loại phim của KODAK

- Công ty cung cấp 2 dòng phim DVB và MXG của KODAK cho tất cả các thiết bị Chẩn đoán hình ảnh như máy X-quang số hóa, máy XQ thông, Máy Chụp hồng ngoại, CT- Scanner, Máy chụp răng, chụp vú, ....



### 2 Các sản phẩm thuốc rửa phim của KODAK

- Song song với việc cung cấp phim MXG cho các Thiết bị chẩn đoán hình ảnh rửa phim bằng hóa chất, công ty cung cấp thêm trên bộ chế thuốc rửa phim.



|    |               |  |
|----|---------------|--|
| II | Vật tư thường |  |
|----|---------------|--|

### 1 Quai ốc chụp

- Có chức năng lắp các chốt cố định cho chụp.



## 2 Dây truyền máu, kim truyền



### III Vật tư Fuji

#### 1 Phim Fuji:

- Phim Fuji là một trong những sản phẩm vật tư tiêu hao được sử dụng nhiều trong lĩnh vực y tế với giá cả cạnh tranh, chất lượng tốt



#### 6.1.3. Đầu tư bệnh viện, cho thuê, đầu tư thiết bị y tế liên doanh liên kết với các bệnh viện

Doanh thu từ hoạt động đầu tư liên doanh liên kết và cho thuê các Thiết bị y tế đạt tới các bệnh viện chiếm khoảng 15% tổng doanh thu của Công ty trong năm 2010. Hoạt động liên kết được thực hiện qua hình thức Công ty đầu tư máy, các bệnh viện đầu tư đầu tư địa điểm, hàng hóa, nhân sự...Đầu tư đầu tư thiết bị ngay trong khuôn viên các bệnh viện để tiện cho việc khám chữa bệnh của bệnh nhân. Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành, Công ty hiện đã liên kết được với hơn 100 bệnh viện hàng đầu trên các tỉnh thành Hà Nội, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Ninh Bình, Hồ Chí Minh... để đầu tư các máy cho thuê và liên kết đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn tiếp tục đầu tư các bệnh viện, đầu tư trang thiết bị máy móc kỹ thuật cao để phục vụ khám và chữa bệnh.

Với lợi thế là nhà phân phối đầu tiên, địa điểm đầu tư thuận lợi, chi phí đầu tư ban đầu của Công ty được giảm thiểu, thời gian thu hồi vốn nhanh và ổn định. Đây là hướng đi đúng đắn và là nguồn thu nhập ổn định của Công ty khi nhu cầu khám chữa bệnh kỹ thuật cao hiện nay tại Việt Nam là rất lớn, trong khi trang thiết bị y tế hiện nay còn thiếu, chất lượng và lợi nhuận so với các nước trong khu vực và không đáp ứng được nhu cầu của bệnh nhân dân. Hiện nay trang thiết bị y tế đang sử dụng tại các cơ sở y tế chưa được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa, không được nâng cấp. Việc đầu tư và đổi mới, nâng cấp phòng không có đủ kinh phí để mua vật tư tiêu hao. Trình độ của đội ngũ cán bộ chuyên môn y tế chưa được khai thác hết công suất trang thiết bị hiện có.

**Danh sách các đầu án liên kết với các bệnh viện của công ty tính đến năm 2010:**

| STT | TÊN MÁY LK | TÊN BỆNH VIỆN ĐẦU TƯ LIÊN KẾT | TỈNH | THỜI GIAN LIÊN KẾT (năm) |
|-----|------------|-------------------------------|------|--------------------------|
|-----|------------|-------------------------------|------|--------------------------|



| STT       | TÊN MÁY LK              | TÊN BỆNH VIỆN ĐƠN VỊ LIÊN KẾT      | TỈNH           | THỜI GIAN LIÊN KẾT (năm) |
|-----------|-------------------------|------------------------------------|----------------|--------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Máy CT</b>           |                                    |                |                          |
| 1         | CT - Presto             | Bệnh viện Bạch Mai                 | Hà Nội         | 5                        |
| 2         | CT - Pronto             | Bệnh viện Bạch Mai                 | Hà Nội         | 5                        |
| 3         | CT                      | Bệnh viện Thái Bình                | Thái Bình      | 5                        |
| 4         | Máy CT -Scanner         | Bệnh viện Bình Dân                 | TP Hồ Chí Minh | 5                        |
| 5         | Máy CT -Scanner         | Trung tâm y tế Xã Cam Ranh         | Khánh Hòa      | 5                        |
| 6         | Máy CT -Scanner         | BV Mắt TW                          | Hà Nội         | 5                        |
| 7         | Máy CT -Scanner         | Trung tâm y tế Mộ Khê              | Quảng Ninh     | 7                        |
| 8         | Máy CT -Scanner 8 lát   | Bệnh viện Việt Trì Phòng           | Hải Phòng      | 5                        |
| 9         | Máy CT -Scanner         | BVĐK Hà Giang                      | Hà Giang       | 10                       |
| 10        | Máy CT -Scanner         | BV ĐK KV Bắc Quảng Bình            | Quảng Bình     | 5                        |
| 11        | Máy CT -Scanner         | BV Đa khoa Huyện Lĩnh              | Hà Tĩnh        | 5                        |
| 12        | Máy CT -Scanner         | Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên | Vĩnh Phúc      | 5                        |
| 13        | Máy CT -Scanner         | BV Nam Thăng Long                  | Hà Nội         | 8                        |
| 14        | Máy CT -Scanner         | BV Đa Khoa Huyện Ng                | Đông Tháp      | 5                        |
| 15        | CT - W3000              | BV ĐK Tỉnh Đông Tháp               | Đông Tháp      | 5                        |
| 16        | CT Pronto 1 lát         | Bv Hòe Nhài                        | Hà Nội         | 5                        |
| 17        | CT đa lát               | Bệnh viện E                        | Hà Nội         | 5                        |
| 18        | CT - 1 lát              | Bệnh viện Lao phổi Phúc Yên( K74)  | Vĩnh Phúc      | 5                        |
| 19        | CT                      | Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Cần Thơ | Cần Thơ        | 5                        |
| 20        | CT - Scanner            | Bệnh viện Nông nghiệp              | Hà Nội         | 5                        |
| <b>II</b> | <b>MÁY CĂNG HỖ NG T</b> |                                    |                |                          |
| 1         | CHT - Aris mate         | Bệnh viện Bạch Mai                 | Hà Nội         | 7                        |
| 2         | CHT                     | Bệnh viện Thái Bình                | Thái Bình      | 5                        |
| 3         | CHT - Aris mate         | Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình   | TP Hồ Chí Minh | 5                        |
| 4         | CHT                     | BV YHCT Trung ương                 | Hà Nội         | 10                       |
| 5         | CHT - Aris mate 0.2T    | TT tr liệu ung thư BV C Thái       | Thái Nguyên    | 10                       |



| STT        | TÊN MÁY LK           | TÊN BỆNH VIỆN ĐƠN VỊ LIÊN KẾT            | TỈNH           | THỜI GIAN LIÊN KẾT (năm) |
|------------|----------------------|------------------------------------------|----------------|--------------------------|
|            |                      | Nguyên                                   |                |                          |
| 6          | CHT - Aris mate 0.2T | BVĐK Vĩnh Phúc                           | Vĩnh Phúc      | 10                       |
| 7          | CHT - Aperto         | BV103                                    | Hà Nội         | 5                        |
| <b>III</b> | <b>HỒ THƯƠNG CR</b>  |                                          |                |                          |
| 1          | CR                   | Bệnh viện Bạch Mai                       | Hà Nội         | 5                        |
| 2          | CR                   | Bệnh viện Thái Bình                      | Thái Bình      | 5                        |
| 3          | CR                   | Bệnh viện Thống Nhất                     | TP Hồ Chí Minh | 5                        |
| 4          | CR                   | Bệnh viện Đà Nẵng                        | TP Đà Nẵng     | 5                        |
| 5          | CR                   | Bệnh viện KI                             | Hà Nội         | 5                        |
| 6          | CR                   | Bệnh viện KII                            | Hà Nội         | 5                        |
| 7          | CR                   | Bệnh viện Việt Đức                       | Hà Nội         | 6                        |
| 8          | CR (DRXI)            | Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng            | Hải Phòng      | 10                       |
| 9          | CR                   | Bệnh viện Bắc Ninh                       | Bắc Ninh       | 5                        |
| 10         | CR Classic           | Bệnh viện đa khoa Ninh Giang - Hải Dương | Hải Dương      | 9                        |
| 11         | CR                   | Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên       | Vĩnh Phúc      | 5                        |
| 12         | CR                   | Bệnh viện đa khoa Huyện Thụy Nguyên – HP | Hải Phòng      | 5                        |
| 13         | CR                   | BV Nông nghiệp                           | Hà Nội         | 7                        |
| 14         | CR Classic           | BVĐK huyện Bắc Trách                     | Quảng Bình     | 5                        |
| 15         | CR                   | BV Tràng An                              | Hà Nội         | 5                        |
| 16         | CR Classic           | BV lao và bệnh phổi Hải Phòng            | Hải Phòng      | 5                        |
| 17         | CR                   | BV ĐK Huyện Đô Lương                     | Nghệ An        | 5                        |
| 18         | CR                   | BV ĐK Tam Dương - VP                     | Vĩnh Phúc      | 5                        |
| 19         | CR POC               | BV ĐH Y Hải Phòng                        | Hải Phòng      | 5                        |
| 20         | CR - POC             | Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê                | Quảng Ninh     | 5                        |
| 21         | CR - POC             | Bệnh viện đa khoa Long An                | Long An        | 5                        |
| 22         | CR - POC             | Bệnh viện đa khoa Đoàn Hùng              | Phước Thọ      | 5                        |
| 23         | CR - POC             | BV Đa khoa Hòa Hòa                       | Phước Thọ      | 5                        |

| STT | TÊN MÁY LK          | TÊN BỆNH VIỆN ĐƠN VỊ LIÊN KẾT    | TỈNH           | THỜI GIAN LIÊN KẾT (năm) |
|-----|---------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------|
| 24  | CR - POC            | Bệnh viện ĐK Thanh Sơn - Phú Thọ | Phú Thọ        | 5                        |
| 25  | CR - POC            | BV ĐK Nho Quan - Ninh Bình       | Ninh Bình      | 5                        |
| IV  | HỆ THỐNG MÁY MÓI T  |                                  |                |                          |
| 1   | Máy mổ Laser        | Bệnh viện Chẩn Rẫy               | TP Hồ Chí Minh | 5                        |
| 2   | Phaco               | Bệnh viện Thái Bình              | Thái Bình      | 5                        |
| V   | MÁY CHẨN THẬN       |                                  |                |                          |
| 1   | Máy chẩn thận       | BV YHCT Trung Ương               | Hà Nội         | 10                       |
| 2   | Thuê máy thận Toray | Bệnh viện Kiên An                | Hồ Chí Minh    | 5                        |

#### 6.1.4. Kinh doanh dịch vụ khám bệnh lưu động và các dịch vụ khác

Năm 2007, Công ty đã đưa vào khai thác, vận hành hệ thống xe khám bệnh lưu động tại Việt Nam gồm 11 xe chuyên dùng, được Bộ Y tế cấp phép lưu hành số dùng. Dịch vụ xe khám lưu động trở nên gói nhúng vào các gói khám sức khỏe cho các đối tượng khách hàng là các Công ty Nhà nước có nhà máy đặt tại các khu công nghiệp trên cả nước. Dịch vụ khám bệnh lưu động cùng các dịch vụ khác bao gồm bảo hành, bảo trì thiết bị y tế chiếm khoảng 6% tổng doanh thu của Công ty năm 2010. Tuy nhiên trong cơ cấu lợi nhuận dịch vụ này không cao trong tổng doanh thu, nhưng là rất cần thiết trong việc quản lý bán hàng và các sản phẩm của Công ty đang phân phối. Bên cạnh đó, với chi phí thấp hơn hẳn so với mua sắm thiết bị phát triển đến đâu trong tương lai khi thu nhập của người dân ngày càng tăng, nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao, chất lượng ngày càng tốt, tiến bộ mà các cơ sở y tế công lập đang trở nên quá tải không thể đáp ứng đang không ngừng tăng lên.

Ảnh minh họa xe khám bệnh lưu động do Việt Nam thiết kế

Đi khám cho khu Công nghiệp:



Nội thất trong xe khám:



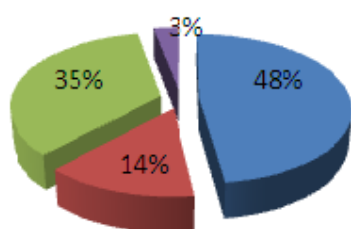
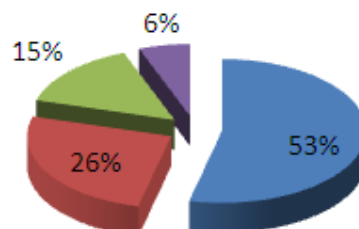
## 6.2 Số liệu经营 số liệu phân bổ giá trị dịch vụ qua các năm

### 6.2.1 Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(ĐVT: Triệu đồng)

| Danh mục                             | Thị trường năm 2009 |              | Thị trường năm 2010 |              | Thị trường Quý I/2011 |              |
|--------------------------------------|---------------------|--------------|---------------------|--------------|-----------------------|--------------|
|                                      | Giá trị             | Tỷ trọng (%) | Giá trị             | Tỷ trọng (%) | Giá trị               | Tỷ trọng (%) |
| Kinh doanh thiết bị y tế             | 87.288              | 48%          | 226.298             | 53%          | 5.783                 | 10%          |
| Kinh doanh vật tư tiêu hao           | 24.883              | 14%          | 108.743             | 26%          | 36.884                | 66%          |
| Đầu tư, liên doanh liên kết          | 64.659              | 35%          | 62.461              | 15%          | 11.959                | 21%          |
| Khám bệnh nội u, nhi và dịch vụ khác | 6.435               | 3%           | 24.253              | 6%           | 931                   | 3%           |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>183.265</b>      | <b>100%</b>  | <b>421.755</b>      | <b>100%</b>  | <b>55.558</b>         | <b>100%</b>  |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thiệt Bụng Y Tế Việt Nam)

**Cơ cấu doanh thu trong năm 2009, 2010**

**Năm 2009**

**Năm 2010**

■ Kinh doanh thiết bị y tế

■ Đầu tư bệnh viện, cho thuê liên kết

■ Kinh doanh vật tư tiêu hao

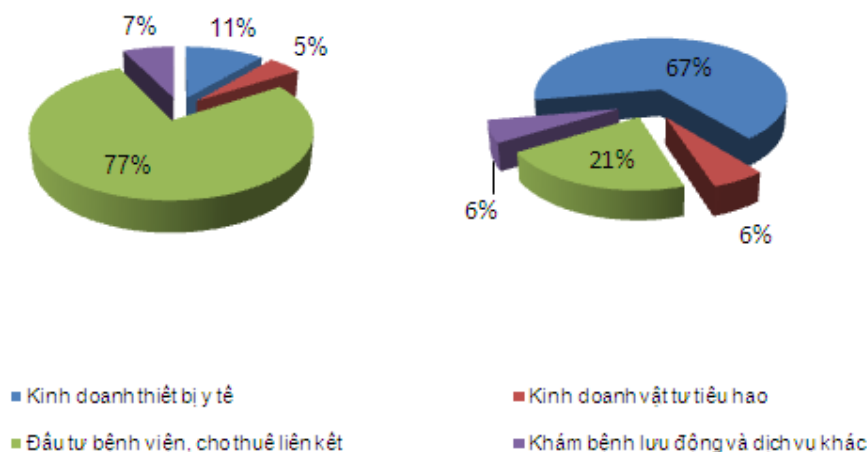
■ Khám bệnh lưu động và dịch vụ khác

**6.2.2 Cơ cấu lợi nhuận bán hàng và cung cấp dịch vụ**

(DVT: Triệu đồng)

| Danh mục                           | Năm 2009      |              | Năm 2010       |              | Quý I/2011    |              |
|------------------------------------|---------------|--------------|----------------|--------------|---------------|--------------|
|                                    | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị       | Tỷ trọng (%) |
| Kinh doanh thiết bị y tế           | 9.297         | 11%          | 87.938         | 63%          | 2.663         | 16%          |
| Kinh doanh vật tư tiêu hao         | 3.952         | 5%           | 10.409         | 8%           | 8.096         | 48%          |
| Đầu tư, liên doanh liên kết        | 64.688        | 77%          | 29.127         | 21%          | 5.216         | 31%          |
| Khám bệnh lưu động và dịch vụ khác | 6.048         | 7%           | 11.074         | 8%           | 830           | 5%           |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>83.985</b> | <b>100%</b>  | <b>138.548</b> | <b>100%</b>  | <b>16.806</b> | <b>100%</b>  |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam)

**Cơ cấu lãi gộp giai đoạn năm 2009,2010**


### 6.3. Nguyên vật liệu

#### 6.3.1 Nguồn nguyên vật liệu.

Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thiết bị y tế, không phải là đơn vị sản xuất nên không có nguồn nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên có thể hiểu, nguồn nguyên vật liệu đầu vào của công ty chính là các trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao mà công ty nhập khẩu từ các Tập đoàn, các hãng sản xuất thiết bị y tế nước ngoài. Thiết bị máy móc của Công ty chủ yếu nhập khẩu từ Nhật Bản từ hãng Hitachi, và các quốc gia có trình độ cao về thiết bị y tế như Mỹ, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan...

#### Bảng: Tỷ trọng Nhập khẩu các nước giai đoạn 01/01/2010 - 31/12/2010

| Stt | Nước Nhập khẩu    | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng    |
|-----|-------------------|----------------------|-------------|
| 1   | Nhật Bản          | 190.962              | 54.36%      |
| 2   | Singapore         | 151.416              | 43.11%      |
| 3   | Mỹ                | 3.415                | 0.97%       |
| 4   | Hàn Quốc          | 4.793                | 1.36%       |
| 5   | Đài Loan          | 58                   | 0.02%       |
| 6   | Trung Quốc        | 215                  | 0.06%       |
| 7   | Đài Loan          | 436                  | 0.12%       |
|     | <b>Tổng cộng:</b> | <b>351.295</b>       | <b>100%</b> |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam)

#### 6.3.2 Sản phẩm của các nguồn cung cấp này.

Công ty là đơn vị đầu tư, nhà phân phối chính thức của các Tập đoàn thiết bị y tế hàng



đầu tư giới thiệu như Hitachi – Nhật Bản, Carestream Kodak, Toray, Fuji... Do đó nguồn cung các sản phẩm này hoàn toàn đảm bảo về thời gian, số lượng định cũng như chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế.

### 6.3.3. Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận.

Thị trường do công ty cung cấp đầu tư là những sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, trong nước chưa thể sản xuất, có giá trị lớn và rất thời thượng trong hoạt động chẩn đoán, khám chữa bệnh, nên việc tiêu thụ các mặt hàng này ít có sự biến động theo giá.

Bên cạnh đó, công ty là nhà phân phối, đại lý độc quyền của Việt Nam nên chính sách nhập khẩu mà các hãng áp dụng cũng có nhiều ưu đãi. Do vậy, giá đầu vào là một trong những lợi thế của Công ty đối với các nhà đầu tư trên thị trường Việt Nam.

### 6.4. Chi phí hoạt động

(ĐVT: Triệu đồng)

| Danh mục          | Năm 2009       |               | Năm 2010       |               | Quý I/2011    |               |
|-------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|---------------|---------------|
|                   | Giá trị        | % DTT         | Giá trị        | % DTT         | Giá trị       | % DTT         |
| Giá vốn hàng bán  | 98.929         | 53,98%        | 283.207        | 67,15%        | 38.725        | 69,70%        |
| Chi phí bán hàng  | 3.816          | 2,08%         | 0(*)           | 0%            | 872           | 1,57%         |
| Chi phí QLDN      | 39.176         | 21,38%        | 29.879         | 7,08%         | 2.501         | 4,50%         |
| Chi phí tài chính | 3.260          | 1,78%         | 10.960         | 2,60%         | 3.332         | 6,00%         |
| Chi phí khác      | 0              | 0             | 196            | 0,05%         | 0             | 0%            |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>145.182</b> | <b>79,22%</b> | <b>324.241</b> | <b>76,88%</b> | <b>45.429</b> | <b>81,77%</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty CPTB Y tế Việt Nam)

Ghi chú: (\*) Chi tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số tiền là 29.878.703.668 đồng. Trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp này đã bao gồm 675.136.933 đồng là chi phí phát sinh cho các công tác bán hàng của Công ty. Do giá trị của các khoản chi phí phát sinh công tác bán hàng nhỏ (675.136.933 đồng) nên so với tổng chi phí quản lý nên đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính quốc tế (IFC) đã không tách rời phân loại riêng sang chi tiêu "Chi phí bán hàng" khi trình bày Báo cáo tài chính năm 2010. Một khác các khoản chi phí này chủ yếu là chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho bãi cho các công tác nhập hàng và bán hàng. Do vậy, IFC không tách riêng cho chi phí bán hàng hay chi phí quản lý mà ghi nhận chung vào chi tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trên Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty.

Do công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, nên giá vốn hàng bán của công ty chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu, 54% năm 2009 và 67% năm 2010. Tỷ trọng giá vốn/doanh thu của công ty tăng lên trong năm 2010 là do Công ty có chính sách giảm giá bán, và tăng mức chiết khấu để đẩy mạnh doanh thu. Các chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu tiếp theo là chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính lần lượt là 7,08% và 2,6% trong năm 2010.

Tổng chi phí/Doanh thu của công ty giảm nhẹ trong năm 2010 (từ 79% năm 2009 xuống 77% năm 2010) cho thấy việc quản lý chi phí tốt và khả năng duy trì lợi nhuận định qua



các năm của Công ty.

## 6.5. Trình độ công nghệ

Công nghệ máy móc thiết bị của Công ty đều do các Hãng thiết bị y tế hàng đầu cung cấp gồm có tập đoàn Hitachi – Nhật Bản tại Việt Nam và là nhà phân phối chính thức cho các tập đoàn Carestream Kodax, Toray, Fuji... chuyên cung cấp các dòng sản phẩm thiết bị y tế công nghệ cao như máy chụp hình cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp vi tính (CT-scanner system), máy X-quang (X-ray system), máy siêu âm (Ultrasound-scanner system), hệ thống chụp X-quang số, máy chụp y tế nhân tạo, máy xét nghiệm huyết học, máy đo tốc độ khúc xạ, máy đo đặc tính tinh thể... được nhập từ các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore.

Công ty là đơn vị luôn đi tiên phong trong việc ứng dụng các Trang thiết bị y tế tiên tiến nhất trên thế giới trong công tác chẩn đoán, khám chữa bệnh tại Việt Nam. Các trang thiết bị y tế do công ty cung cấp đều là các model hiện đại, đang được sử dụng tại Châu Âu, Mỹ...

Cán bộ kỹ thuật, kỹ sư trong công ty đều được đào tạo bởi chính các hãng cung cấp thiết bị, luôn được cập nhật những kiến thức, công nghệ mới nhất để có thể vận hành, quản lý cũng như xử lý các sự cố của các thiết bị do Công ty cung cấp.

## 6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ giữa Công ty và các chuyên gia tại các trung tâm y tế, bệnh viện thông qua các đề tài nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc thực hiện các buổi hội thảo khoa học cũng được Công ty đặc biệt chú trọng.

Công ty luôn tìm kiếm các sản phẩm mới trên thế giới phù hợp với thị trường Việt Nam để đưa vào ứng dụng và tiêu thụ. Đến nay, bên cạnh các sản phẩm thiết bị y tế chế tạo, Công ty đã và đang nghiên cứu việc đưa ra thị trường các sản phẩm chăm sóc sức khỏe mới để đáp ứng trên thế giới. Những sản phẩm mới chế tạo được công ty triển khai cuối năm 2010 và 2011 bao gồm:

### ■ Thuộc nhóm máy Senjiu.

Hiện tại công ty đã được tập đoàn dược phẩm Senjiu- Nhật Bản trao đổi lý do quy định về sản phẩm thuộc nhóm máy tại Việt Nam. Năm bắt đầu của nhu cầu về thuộc dược phẩm hiện nay, Công ty đã hoàn tất xong các thủ tục và giấy phép nhập khẩu sản phẩm đang gấp rút làm thủ tục xin giấy phép của Bộ y tế, Cục quản lý dược để đưa sản phẩm này vào thị trường Việt Nam vào cuối năm 2010, đầu năm 2011.

Đây là sản phẩm có khả năng cạnh tranh với các loại thuộc nhóm máy nội thị trường tại Việt Nam như V. ROHTO.

### ■ Máy chẩn đoán sỏi mật và đường mật- hãng FUKUDA, Nhật Bản

Theo thống kê của Bộ y tế trong những năm vừa qua: Các bệnh về tim mạch chiếm tỉ lệ cao nhất trong các loại bệnh lý tại Việt Nam. Trong những năm gần đây, do đời sống của người dân Việt Nam ngày càng được nâng cao nên nhu cầu khám bệnh định kỳ để chẩn đoán sỏi mật các bệnh lý nhằm ngăn chặn kịp thời đa tác hại của căn bệnh ngày càng cao. Vì vậy, đời sống các bệnh về tim mạch, sỏi mật, đường mật chẩn đoán phát hiện sỏi mật là nhu cầu thiết yếu của người dân.

Năm bắt đầu của nhu cầu thiết yếu đó, Công ty giới thiệu sản phẩm Máy chẩn đoán sỏi mật và đường mật của hãng FUKUDA- Nhật Bản sản xuất theo tiêu chuẩn tại thị trường Việt Nam và được cấp giấy lý do quy định của sản phẩm trên vào tháng 09/2010. Hiện sản phẩm này của

Công ty đã được cấp giấy phép nhập khẩu và phân phối cho một số Bệnh viện trong nước.

#### ■ Máy rửa dây nội soi của hãng IHI- Nhật Bản.

Hiện nay, các bệnh nhân mắc bệnh đường ruột như viêm loét dạ dày, trĩ, tá tràng,... đang rất phổ biến ở người dân Việt Nam. Tuy không nguy hiểm đến tính mạng con người nhưng rất dễ lây nhiễm cho người khác, dễ lây lan, dễ lây nhiễm cho người khác. Vì vậy, việc phát hiện và điều trị sớm là một nhu cầu rất cần thiết của bệnh nhân. Tuy nhiên, hiện nay ở nước ta, việc vệ sinh tay trùng bằng tay các dụng cụ thăm khám, chẩn đoán bệnh còn rất thô sơ, lạc hậu và rất dễ lây nhiễm cho bệnh nhân khám tiếp theo cho bệnh nhân khám sau. Chính điều đó đã thôi thúc Ban giám đốc công ty tìm kiếm, và đưa các công nghệ tiên tiến trùng các dụng cụ thăm khám đường ruột (các dây nội soi) bằng hệ thống máy hiện đại, tiêu trùng 100% các loại vi trùng, do tập đoàn Thiết bị y tế IHI- Nhật Bản sản xuất vào thị trường Việt Nam Công ty đã giành được lý do quy định sản phẩm Máy rửa dây nội soi của hãng IHI.

Công ty đã tiến hành hội thảo giới thiệu thành công sản phẩm này tại Bệnh viện Đại học Y-Hà Nội và đã được đồng ý các Giáo sư, tiến sĩ, y bác sĩ đánh giá rất cao về trình độ công nghệ tiên tiến trùng dây nội soi.

Ngoài các sản phẩm nêu trên, đây là hình ảnh mô tả các sản phẩm mà công ty đã đang nghiên cứu và triển khai và sẽ tiến hành nhập khẩu và phân phối tại Việt Nam. trong thời gian tới:

| STT | Sản phẩm                                                                                                                                                                                                                        | Hình ảnh sản phẩm |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| I   | Sản phẩm của hãng Vatech- Hàn Quốc                                                                                                                                                                                              |                   |
| 1   | <b>Máy DR Xmaru1417</b><br>- Là hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số DR, màn hình và nhíp, thời gian xử lý nhanh với chi phí đầu tư hợp lý, rất thích hợp với nhu cầu của các bệnh viện, phòng khám tư nhân. |                   |
| II  | Sản phẩm của hãng IHI- Nhật Bản                                                                                                                                                                                                 |                   |
| 1   | <b>Máy rửa dây nội soi</b><br>- Máy rửa dây nội soi không sử dụng hóa chất hay dung dịch điện giải mà rửa bằng phương pháp ozon, tiết kiệm chi phí trong quá trình sử dụng.                                                     |                   |
| III | Sản phẩm của hãng Kusukusu- Nhật Bản                                                                                                                                                                                            |                   |

## 1 Lò đốt rác

- Hãng sx: KUSUKUSU
- Đã đăng ký bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam năm 2006
- Sản xuất tại Nhật Bản
- Là hệ thống đốt rác bằng nhiệt (đốt rác khô và rác ẩm) nhưng không sinh ra khói, tro bụi nên không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.
- Có nhu cầu kích thích lò đốt phù hợp với nhu cầu của người dân.



## IV Sản phẩm của hãng Poit A- M

### 1 Màn hình y tế :

- Màn hình y tế: được thiết kế với độ phân giải cao, thích hợp để phân giải các hình ảnh y tế.



## V Sản phẩm thuốc mắt của Senjiu- Nhật Bản

### 1 Thuốc dãn mắt

- Thích hợp cho việc chữa bệnh và kháng khuẩn cho mắt.
- Là dòng sản phẩm được chú ý của người dân Nhật Bản.



### 2 Thuốc điều trị mắt sau mổ

- Là loại thuốc được sử dụng sau phẫu thuật.
- Chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế.



### 3 Thuộc diện ưu đãi mặt

-Hỗ trợ ích trong diện ưu đãi các bệnh đau mắt thông thường với thời gian điều trị nhanh, không gây tác dụng phụ.



## VI Sản phẩm ICR, DR- M

### 1 Các sản phẩm ICR- CR

- Là loại X quang số hóa công nghệ cao,  
- Thời gian chụp nhanh, xử lý dữ liệu trong 2 cassette nên rút ngắn thời gian xử lý.  
- Các sản phẩm mới hiện đại, hỗ trợ hiệu quả việc xử lý ảnh.



### 2 Các sản phẩm ICR- D

- Đây là dòng sản phẩm X quang kỹ thuật số với tính năng vượt trội, thu nhận hình ảnh trực tiếp trong thời gian ngắn.  
- Sản phẩm này đạt các tiêu chuẩn chất lượng FDA của Hoa Kỳ.



## VII Codonics- M

### 1 Các loại máy in

- Đây là các loại máy in số công nghệ in nhiệt, chất lượng hình ảnh đẹp, bền bỉ, độ bền cao, chi phí cho người dùng thấp.  
- Các công nghệ đa dạng, phù hợp với các nhu cầu in phim x quang, CT, công nghệ hiện đại.



|      |                                    |
|------|------------------------------------|
| VIII | Sản phẩm của hãng Fukuda- Nhật Bản |
|------|------------------------------------|

### 1 Máy chẩn đoán siêu âm

- Là loại máy đầu tiên có mặt tại Việt Nam,
- Giúp phát hiện xơ vữa động mạch, hỗ trợ quá trình điều trị



|    |                                                       |
|----|-------------------------------------------------------|
| IX | Hệ thống xử lý nước thải cho bệnh viện- Hitachi Plant |
|----|-------------------------------------------------------|

- Là hệ thống xử lý nước thải khép kín, hiện đại, đáp ứng các nhu cầu không thể thiếu của các bệnh viện lớn nhỏ trong cộng đồng.



## 6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

### 6.7.1 Hệ thống quản lý chất lượng Công ty yêu cầu đối với các sản phẩm của mình

Các sản phẩm của công ty đều được tuân thủ chặt chẽ, nghiêm ngặt với các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định Quốc tế và của Việt Nam bao gồm:

**Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001** hay ISO 9001 là một trong những bộ tiêu chuẩn ISO 9000. Hệ thống này đặt ra những yêu cầu mà khi một tổ chức thiết kế, phát triển, sản xuất, lắp đặt hay phân phối cho bất kỳ một sản phẩm nào hoặc cung cấp bất kỳ dịch vụ nào muốn áp dụng để nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ của mình...Các nhà sản xuất thiết bị y tế cung cấp cho Việt Nam đều có các chứng chỉ này cho các sản phẩm của mình.

**Hệ thống quản lý chất lượng ISO 14001:** là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường (EMS), hiện nay EMS được sử dụng một cách rộng rãi nhất trên thế giới. ISO14001 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý chính định rõ các yêu cầu cho việc hình thành và duy trì hệ thống EMS. Có 3 cam kết cơ bản được yêu cầu trong chính sách môi trường đáp ứng các yêu cầu của ISO 14001. Những cam kết này bao gồm:

- ngăn ngừa ô nhiễm
- phù hợp với pháp luật
- cải tiến liên tục hệ thống EMS

**Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485:** được đề cập trên cách tiếp cận quá trình của ISO 9001:2008 và là một hệ thống quản lý được phát triển riêng biệt cho hệ thống của thiết bị y

th. Mục đích chính của tiêu chuẩn này để thích hợp với những yêu cầu pháp định.

Tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu cần thiết cho sản xuất, lắp đặt và dịch vụ và sản phẩm thiết kế cho:

- việc áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng với những nâng cao
- quản lý rủi ro tiếp cận với việc phát triển sản phẩm và tổ chức sản phẩm.
- thẩm định các quá trình
- phù hợp với các yêu cầu và quy định pháp lý.

**Hệ thống thu hồi và nguồn gốc sản phẩm có hiệu lực ISO 13485** bao gồm các yêu cầu cần thiết cho hoạt động của bất kỳ tổ chức nào từ bất kỳ phân nào của thiết bị y tế và chuỗi cung ứng của sản phẩm. Tiêu chuẩn này liên quan đến việc triển khai các nhà sản xuất mong muốn chứng minh các yêu cầu pháp lý áp dụng và bất kỳ tổ chức có các dịch vụ hỗ trợ các nhà sản xuất thiết bị y tế.

**Tiêu chuẩn CE: CE Marking** (đôi khi còn được gọi là CE Mark) là nhãn hàng bắt buộc cho đa số hàng hóa (khoảng 70%) được bán trên thị trường Liên minh Châu Âu, được thiết lập để củng cố việc coi như "Giấy thông hành" cho các sản phẩm không phải do EU sản xuất. 23 nhóm mặt hàng có thể cần đến CE Marking, trong đó có 3 nhóm hàng thiết bị y tế là Thiết bị y tế nói chung, Thiết bị y tế có thể cấy ghép được, Thiết bị y tế chẩn đoán y học nghiêm trọng. Các mặt hàng Công ty nhập khẩu từ các nhà sản xuất Châu Âu và đáp ứng được tiêu chuẩn này.

**Tiêu chuẩn FDA:** là tiêu chuẩn do cơ quan quản lý dược phẩm và thực phẩm Mỹ cấp cho các nhà sản xuất các thiết bị y tế, vật tư y tế....Hiện nay, các mặt hàng Công ty nhập từ các nhà sản xuất Hoa Kỳ đều có các chứng chỉ tiêu chuẩn chất lượng này.

**Chứng nhận CO:** Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ do Phòng Thương mại của nước xuất khẩu cấp. Tất cả các sản phẩm nhập khẩu của Công ty đều có chứng nhận này.

**Chứng nhận CQ:** Chứng nhận chất lượng do Nhà sản xuất cung cấp. Tất cả các sản phẩm nhập khẩu của công ty đều có chứng nhận này.

Ngoài những chứng chỉ, tiêu chuẩn chất lượng khác thu được áp dụng trên toàn thị trường, mặt sản phẩm của Công ty sau khi nhập khẩu từ Việt Nam, còn được áp dụng theo tiêu chuẩn trong nước như Máy CT- Scanner, X- quang được Việt Nam Trang thiết bị và Công trình y tế cấp phép và An toàn bức xạ.

#### 6.7.2 Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty.

Việc kiểm tra chất lượng các sản phẩm đáp ứng theo các tiêu chuẩn của Nhà cung cấp và theo quy định trong hợp đồng được thực hiện bởi bộ phận kinh doanh và kiểm soát của Công ty trước khi sản phẩm được giao và lắp đặt cho khách hàng.

Sản phẩm của Công ty được nhập trực tiếp từ chính hãng nên chất lượng sản phẩm luôn đáp ứng yêu cầu, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty đều được thực hiện chính xác, thu nhập và duy trì, đảm bảo lợi ích tốt nhất của khách hàng.

Bên cạnh đó, bộ phận kiểm soát, kiểm soát của Công ty được đào tạo bài bản từ chính các nhà cung cấp, có khả năng sửa chữa thay thế và cung cấp các sản phẩm của thiết bị trong quá trình vận hành. Các sản phẩm do công ty cung cấp đều được hỗ trợ kỹ thuật bảo hành bảo trì, thay thế linh kiện từ chính hãng, với chi phí phát sinh thấp.

#### 6.8. Hoạt động Marketing

Nhận thức được tầm quan trọng của chính sách marketing đối với chiến lược phát triển chung của công ty, Công ty luôn chú trọng áp dụng các biện pháp marketing có thể phù hợp với điều kiện của Công ty và tình hình thị trường.

#### 6.8.1 Chiến lược quản lý bán hàng hiện tại

Do đặc tính sản phẩm của Công ty liên quan đến chăm sóc sức khỏe, y tế, các sản phẩm của Công ty đều là các sản phẩm tiên tiến, công nghệ cao nhằm đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân y tế. Do đó, các đối tượng khách hàng Công ty hướng tới là các Bệnh viện tuyến TW, địa phương, các bệnh viện nhân dân, các chương trình quốc gia, các tổ chức phi chính phủ... Để tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả hoạt động marketing, công tác quản lý bán sản phẩm của Công ty thực hiện tập trung thông qua các hình thức Quản lý bán sản phẩm, giới thiệu với công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Internet, trang web công ty, báo ngành y tế .... Bên cạnh đó Công ty còn tổ chức tài trợ cho các buổi hội thảo khoa học, tham gia triển lãm sản phẩm, tài trợ tại các Triển lãm thị trường Y tế trong và ngoài nước bao gồm: Các cuộc hội thảo riêng của công ty, Khai trương xe khám, tham gia Hội nghị Chẩn đoán hình ảnh của Bộ y tế, tham gia triển lãm Y dược thế giới của Bộ y tế, ....

Một số hình ảnh về các hoạt động triển lãm, quản lý bán sản phẩm của công ty:

**Lễ khai trương dự án khám lưu động:** Thứ trưởng Bộ y tế Nguyễn Thị Xuyên, Tổng Giám đốc Công ty Thiết bị y tế Nishimura - Nhật Bản, Giám đốc Khu vực TTP đoàn Thiết bị y tế Hitachi- Nhật Bản cắt băng mở lễ khai trương xe khám của công ty



H<sub>ỘI</sub> I NGH<sub>Ệ</sub> CH<sub>UYÊN</sub> ĐOÁN HÌNH <sub>Ở</sub> NH<sub>À</sub> T<sub>ÀI</sub> TT H<sub>ỘI</sub> I NGH<sub>Ệ</sub> L<sub>Ê</sub> H<sub>Ồ</sub> NG PHONG: Nguyên Th<sub>Ạ</sub> TR<sub>Ư</sub>NG B<sub>Ộ</sub> Y T<sub>Ế</sub> L<sub>Ê</sub> NG<sub>UYỄN</sub> C TR<sub>Ư</sub>NG tham quan gian hàng.



TR<sub>Ư</sub>NG L<sub>ÂM</sub> Y D<sub>ƯỢC</sub> C<sub>ÁC</sub> TH<sub>Ạ</sub>NG N<sub>GIÊN</sub> : Nguyên B<sub>Ộ</sub> TR<sub>Ư</sub>NG B<sub>Ộ</sub> Y T<sub>Ế</sub> TR<sub>Ư</sub>NG TH<sub>Ạ</sub> TRUNG CHI<sub>ẾN</sub> N tham quan gian hàng và ch<sub>Ỗ</sub> P<sub>HI</sub> NH<sub>À</sub> U N<sub>Ữ</sub> M CÙNG Nhân viên công ty.



#### 6.8.2 Ch<sub>Ỗ</sub> N<sub>Ữ</sub> <sub>Ở</sub> C<sub>ÁC</sub> PH<sub>ÂN</sub> PH<sub>Ụ</sub> I

75% s<sub>Ố</sub> N PH<sub>ÁP</sub> M C<sub>ÁC</sub> A CÔNG TY Đ<sub>ƯỢC</sub> C<sub>ÁC</sub> TIÊU TH<sub>ỰC</sub> QU<sub>A</sub> KÊNH BÁN HÀNG TR<sub>ỰC</sub> T<sub>ẬP</sub> THÔNG QU<sub>A</sub> Đ<sub>ỘI</sub> NG<sub>ƯỜI</sub> KINH DOANH D<sub>ỘI</sub> I S<sub>Ố</sub> H<sub>Ợ</sub> TR<sub>ỰC</sub> C<sub>ÁC</sub> A BAN GIAM Đ<sub>ỐC</sub> CÔNG TY. Đ<sub>ỘI</sub> NG<sub>ƯỜI</sub> KINH DOANH C<sub>ÁC</sub> A CÔNG TY C<sub>Ó</sub>



trách nhiệm tiếp xúc trực tiếp với các khách hàng (Ban giám đốc Ban nhân viên, các Trưởng phòng phó khoa Ban nhân viên, Giám đốc, P. Giám đốc Sở y tế, các Giám đốc, Trưởng phòng phòng khám,...) để tìm hiểu nhu cầu, các khó khăn mua sắm của khách hàng để tiếp thị và cung cấp, giải thích cho các sản phẩm của công ty. Do trạng thái bệnh tật Công ty cung cấp thuốc có giá trị lớn, Công ty tiến hành chào bán sản phẩm của mình thông qua các hình thức đầu tư, chào hàng cạnh tranh.

Là đầu tư mới nhập khẩu của nhà sản xuất hàng đầu trên thế giới, các nhà phân phối thuốc sẽ phải chờ đợi khi thuốc được cung cấp cho thị trường do Công ty phân phối sẽ phải mua qua Công ty để bán cho khách hàng của họ với giá cao hơn giá mua trực tiếp từ Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng phân phối sản phẩm qua công ty trung gian theo hình thức ủy quyền để phân phối, tiếp thị và cung cấp thuốc. Kênh phân phối này của Công ty chiếm khoảng 25% giá trị sản phẩm tiêu thụ được.

Nhóm bệnh đặc biệt tâm lý tiêu dùng hàng nội địa của người Việt Nam, dịch vụ khám sức khỏe là một trong các Công ty cũng được duy trì và phát triển để tiếp thị và cung cấp khách hàng là các Nhà máy của các công ty Nhà nước đặt tại các khu công nghiệp ở Việt Nam.

Đội ngũ bán hàng của Công ty cũng tuyển dụng nhân viên người Việt để phát triển mạng kinh doanh này.

#### 6.8.3 Chiến lược giá

Việt Nam xác định giá bán dựa trên giá nhập khẩu cộng thêm chi phí phát sinh và lợi nhuận. Công ty có chiến lược giá bán thấp hơn các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh với tính năng và chất lượng tương đương với lợi thế là đội ngũ quy mô và là nhà phân phối độc quyền. Các sản phẩm của Công ty nhập khẩu luôn nhận được các ưu đãi về giá thanh toán. Với chi phí đầu tư vào thuốc, Công ty có thể tận dụng ưu thế này để đưa ra giá cạnh tranh trong các đơn chào hàng của mình. Ngoài ra, Công ty còn được hưởng lợi từ chiến lược duy trì mạng lưới phân phối thuốc ở Việt Nam của Nhà cung cấp.

Đối với việc tiêu hao, Công ty có chính sách chiết khấu giá bán 5-15 % cho những khách hàng mua thuốc quy định và có giá trị lớn để duy trì mối quan hệ và duy trì được các khách hàng truyền thống.

#### 6.8.4 Chiến lược sản phẩm

Công ty hàng đầu hiện tại cung cấp các sản phẩm của mình dưới hình thức các hệ thống để người bệnh và hoàn thiện cho việc khám chữa bệnh, xét nghiệm. Chiến lược sản phẩm này là lợi thế cạnh tranh của Công ty khi các đối thủ cạnh tranh đang chỉ cung cấp một hệ thống đơn lẻ, gây khó khăn trong việc vận hành, và tính tương thích với một dòng lưu giữ của các hệ thống thiết bị chẩn đoán gây khó khăn cho người vận hành, xử lý thông tin.

Hệ thống sản phẩm thiết bị của Công ty rất đa dạng và chuyên biệt cho sản phẩm và giá cả, có thể trang bị toàn diện cho các bệnh viện lớn, bệnh viện nhỏ nhân hay các thiết bị đơn lẻ cho phòng khám nhỏ.

Với hệ thống các bệnh viện liên kết trên khắp nước, hệ thống bệnh viện tuyến Trung ương cho đến tuyến huyện, máy móc thiết bị của Công ty có thể được quay vòng khi những máy mới, hiện đại sẽ được đầu tư thay thế các bệnh viện lớn, còn các máy đã qua sử dụng sau khi đã thu hồi vốn sẽ chuyển qua sử dụng tại các bệnh viện tuyến huyện, nên các thiết bị chẩn đoán hình ảnh kỹ thuật cao gần như không tồn tại, ít cạnh tranh và có nhu cầu rất lớn.

### 6.9. Nhân lực và tài chính, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Trong thời gian hoạt động của mình, Công ty đã tạo được uy tín và thương hiệu qua



nhằm ưu đãi, án cung cấp thiêt bị y tế, máy móc, và các dự án tài trợ của các tổ chức quốc tế như Jica, World Bank... Trang thiết bị do công ty cung cấp có chất lượng tốt, đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường như Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản và Việt Nam...

**Logo đã đăng ký của công ty:** Đã đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.



#### 6.10. Các hợp đồng mua hàng/nhập khẩu đã ký kết/thực hiện

Phân tích các hợp đồng có giá trị lớn của Công ty đầu tư ký kết và hoàn tất trong năm 2010 và đầu năm 2011, ngoài trừ các hợp đồng hợp tác liên kết đầu tư có thời hạn mua nhập là năm 2020.

##### 6.10.1 Các hợp đồng mua hàng/nhập khẩu đã ký kết với các nhà sản xuất

| STT | Thời gian ký kết | Thời gian hoàn tất hợp đồng | Loại sản phẩm                                  | Giá trị hợp đồng | Nội dung nhập khẩu | Nhà sản xuất /cung cấp                 |
|-----|------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|------------------|--------------------|----------------------------------------|
| 1.  | Tháng 1/2010     | Tháng 3/2010                | Phim X quang Kodak                             | 418.090 USD      | Singapore          | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 2   | Tháng 2/2010     | Tháng 3/2010                | Phim X quang Kodak                             | 72.000 USD       | Singapore          | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 3   | Tháng 2/2010     | Tháng 3/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính                       | 10.950.000 JPY   | Nhật Bản           | JWB Co., LTD                           |
|     | Tháng 1/2010     | Tháng 3/2010                | Phim, thuốc rửa phim                           | 349.174 USD      | Nhật Bản           | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 4   | Tháng 1/2010     | Tháng 3/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính                       | 10.800.000 JPY   | Nhật Bản           | JWB Co., LTD                           |
| 5   | Tháng 2/2010     | Tháng 3/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính, quặng                | 12.595.200 JPY   | Nhật Bản           | Nishimmura Medical Instrument Co., LTD |
| 6   | Tháng 4/2010     | Tháng 6/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính, thiết bị đo lường    | 12.700.000 JPY   | Nhật Bản           | Nishimmura Medical Instrument Co., LTD |
| 7.  | Tháng 3/2010     | Tháng 6/2010                | Phụ kiện thiết bị y tế                         | 880.000 USD      | Nhật Bản           | JWB Co., LTD                           |
| 8.  | Tháng 5/2010     | Tháng 6/2010                | Máy X – quang, thiết bị đo lường, phim X quang | 660.000 USD      | Singapore          | Carestream Health Singapore PTE LTD    |



| STT | Thời gian ký kết | Thời gian hoàn tất hợp đồng | Loại sản phẩm                               | Giá trị hợp đồng | Nơi cung cấp | Nhà sản xuất /cung cấp                 |
|-----|------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|------------------|--------------|----------------------------------------|
|     |                  |                             | Kodak                                       |                  |              |                                        |
| 9.  | Tháng 4/2010     | Tháng 6/2010                | Phim X quang Kodak                          | 182.360 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 10. | Tháng 4/2010     | Tháng 6/2010                | Phim X quang , Thuộc rã phim                | 307.734 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 11. | Tháng 5/2010     | Tháng 6/2010                | Máy X quang                                 | 79.000 USD       | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 12. | Tháng 5/2010     | Tháng 6/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính, Thiết bị đo lường | 16.000.000 JPY   | Japan        | JWB Co., LTD                           |
| 13. | Tháng 5/2010     | Tháng 6/2010                | Máy X quang DR                              | 87.000 USD       | Hàn Quốc     | Vatech Co., LTD                        |
| 14. | Tháng 4/2010     | Tháng 5/2010                | Phim X quang Kodak                          | 135.824 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 15. | Tháng 1/2010     | Tháng 5/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính Hitachi            | 227.000 USD      | Japan        | Hitachi Medical System PTE LTD         |
| 16. | Tháng 3/2010     | Tháng 5/2010                | Máy siêu âm, máy X quang                    | 5.000.000 JPY    | Japan        | Nishimuara Medical Instrument Co., LTD |
| 17. | Tháng 4/2010     | Tháng 5/2010                | Phim X quang , thuộ c rã a phim Kodak       | 218.252 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 18. | Tháng 1/2010     | Tháng 4/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính                    | 478.000 USD      | Japan        | Hitachi Medical System PTE LTD         |
| 20. | Tháng 3/2010     | Tháng 4/2010                | Phim X quang Kodak                          | 272.614 USD      | Singapore    | Hitachi Medical System PTE LTD         |
| 21. | Tháng 3/2010     | Tháng 4/2010                | Phim X quang Kodak                          | 69.600 USD       | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 22. | Tháng 3/2010     | Tháng 4/2010                | Phim, máy in phim Kodak                     | 121.440 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 23. | Tháng 7/2010     | Tháng 9/2010                | Dịch vụ                                     | 31.200 USD       | Hàn Quốc     | KRD Co., LTD                           |
| 24. | Tháng 7/2010     | Tháng 9/2010                | Kim chỉ y thuật, dây truyền máu             | 2.046.000 JPY    | Japan        | Nishimmura Medical Instrument Co., LTD |
| 25. | Tháng 1/2010     | Tháng 9/2010                | Phim + Thuộ c rã a phim Kodak               | 146.700 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 26. | Tháng 7/2010     | Tháng 9/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính                    | 750.000 USD      | Singapore    | Hitachi Medical System PTE LTD         |
| 27. | Tháng 7/2010     | Tháng 9/2010                | Dịch vụ                                     | 31.200 USD       | Hàn Quốc     | Nishimmura Medical Instrument Co., LTD |
| 28. | Tháng 1/2010     | Tháng 8/2010                | Máy X quang                                 | 89.500 USD       | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 29. | Tháng 1/2010     | Tháng 8/2010                | Phim X quang Kodak                          | 170.194 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 30. | Tháng 1/2010     | Tháng 8/2010                | Máy X quang                                 | 92.700 USD       | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
|     | Tháng 7/2010     | Tháng 8/2010                | Quản lý                                     | 2.524.500 JPY    | Hàn Quốc     | Nishimmura Medical Instrument Co., LTD |
| 31. | Tháng            | Tháng                       | Máy siêu âm,                                | 27.000.000       | Singapore    | Carestream Health                      |



| STT | Thời gian ký kết | Thời gian hoàn tất hợp đồng | Loại sản phẩm                                   | Giá trị hợp đồng | Nơi cung cấp | Nhà sản xuất /cung cấp                 |
|-----|------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------|------------------|--------------|----------------------------------------|
|     | 1/2010           | 7/2010                      | máy X quang, máy chụp cắt lớp vi tính           | JPY              |              | Singapore PTE LTD                      |
| 32. | Tháng 1/2010     | Tháng 7/2010                | Phim, thuốc rửa phim                            | 121.533 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 33. | Tháng 5/2010     | Tháng 7/2010                | Máy X quang, tấm tiêu nh, phim Kodak            | 100.000 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 34. | Tháng 5/2010     | Tháng 7/2010                | Phim X quang Kodak                              | 44.626 USD       | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 35. | Tháng 5/2010     | Tháng 7/2010                | Máy X quang                                     | 80.000 USD       | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 36. | Tháng 5/2010     | Tháng 7/2010                | Phim X quang , thuốc rửa phim Kodak             | 166.552 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 37. | Tháng 6/2010     | Tháng 7/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính, máy X quang           | 6.800.000 JPY    | Nhất Nhất    | JWB Co., LTD                           |
| 38. | Tháng 5/2010     | Tháng 7/2010                | Máy X quang                                     | 85.350 USD       | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 39. | Tháng 6/2010     | Tháng 7/2010                | Máy chụp cắt lớp vi tính, máy X quang           | 9.500.000 JPY    | Nhất Nhất    | JWB Co., LTD                           |
| 40. | Tháng 6/2010     | Tháng 7/2010                | Linh kiện máy chụp cắt lớp, máy siêu âm, bàn mổ | 7.800.000 JPY    | Nhất Nhất    | Nishimmura Medical Instrument Co., LTD |
| 41. | Tháng 7/2010     | Tháng 7/2010                | Máy rửa dây nội soi                             | 6.010.000 JPY    | Nhất Nhất    | Tokyo Boeiki Machinery LTD.            |
| 42. | Tháng 8/2010     | Tháng 9/2010                | Máy công nghệ in                                | 294.800 USD      | Nhất Nhất    | JWB Co., LTD                           |
| 43. | Tháng 4/2010     | Tháng 9/2010                | Máy chụp X quang                                | 494.000 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 44. | Tháng 8/2010     | Tháng 9/2010                | Phim , thuốc rửa phim Kodak                     | 290.592 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 45. | Tháng 8/2010     | Tháng 9/2010                | Máy siêu âm màu                                 | 40.977 USD       | Japan        | Hitachi Medical System PTE LTD         |
| 46. | Tháng 8/2010     | Tháng 9/2010                | Máy siêu âm Hitachi                             | 102.283 USD      | Japan        | Hitachi Medical System PTE LTD         |
| 47. | Tháng 4/2010     | Tháng 9/2010                | Máy X quang                                     | 122.000 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 48. | Tháng 8/2010     | Tháng 9/2010                | Phim X quang Kodak                              | 149.176 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 49. | Tháng 4/2010     | Tháng 8/2010                | Phim, thuốc rửa phim Kodak                      | 182.360 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |
| 50. | Tháng 8/2010     | Tháng 8/2010                | Máy xét nghiệm sinh hóa                         | 6.779.000 JPY    | Nhất Nhất    | Tokyo Boeiki Machinery LTD.            |
| 51. | Tháng 11/2010    | Tháng 12/2010               | Máy in phim                                     | 140.000 USD      | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD    |



| STT | Thời gian ký kết | Thời gian hoàn tất hợp đồng | Loại sản phẩm                       | Giá trị hợp đồng | Nơi cung cấp | Nhà sản xuất /cung cấp              |
|-----|------------------|-----------------------------|-------------------------------------|------------------|--------------|-------------------------------------|
| 52. | Tháng 11/2010    | Tháng 12/2010               | Phim                                | 215.505,35 USD   | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD |
| 53. | Tháng 11/2010    | Tháng 12/2010               | Máy chụp cắt lớp vi tính CT Scanner | 239.000 USD      | Japan        | Hitachi Medical System PTE LTD      |
| 54. | Tháng 10/2010    | Tháng 12/2010               | Phim                                | 287.295,4 USD    | Singapore    | Carestream Health Singapore PTE LTD |
| 55  | Tháng 10/2010    | Tháng 10/2010               | Máy in phim                         | 80.165 USD       | Mỹ           | Codonics                            |

6.10.2. Các hợp đồng bán hàng/Cung cấp dịch vụ có giá trị lớn đã ký kết với khách hàng.

| STT | Thời gian thực hiện hợp đồng | Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp                                                              | Giá trị hợp đồng |               | Đối tác                                             |
|-----|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|-----------------------------------------------------|
|     |                              |                                                                                             | USD              | VNĐ           |                                                     |
| I   | Hợp đồng bán thiết bị y tế   |                                                                                             |                  |               |                                                     |
| 1   | T1-T3 /2010                  | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner Model Ponto                                        |                  | 2.757.000.000 | Công Ty CP Phòng Khám Đa Khoa Châu Thành            |
| 2   | T 4-T5/2010                  | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 4 lát cắt Model Asteion                                       |                  | 2.100.000.000 | Công Ty TNHH Dược Phẩm Dược Tín                     |
| 3   | T5- T6/2010                  | Máy in phim                                                                                 | 146.000          |               | Công Ty TNHH TM Vĩnh Phát                           |
| 4   | T6- T11/2010                 | Máy rửa phim Xquang tự động                                                                 |                  | 1.661.800.000 | Công Ty CP Thiết bị Y tế Thanh Hóa                  |
| 5   | T6 –T9 /2010                 | Máy X- Quang nha khoa toàn cầu                                                              | 168.000          |               | Xí Nghiệp Liên Doanh "Vietsovprtro" (XNLD)          |
| 6   | T 7-T 12/2010                | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính Model PRONTO-XE<br>Hệ thống Xquang kỹ thuật số Model: FCR-XG1 | 202.000          |               | Công Ty TNHH Phát Triển Y Học Việt                  |
| 7   | T7/2010 – T1/2011            | Hệ thống máy chụp cộng hưởng từ <0.5 Tesla                                                  | 794.800          |               | Ban Quản Lý Dự Án Tỉnh Tiền Giang (LPMU Tiền Giang) |



| STT | Thời gian thực hiện hợp đồng | Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp                                           | Giá trị hợp đồng |               | Đối tác                                                                |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------|
|     |                              |                                                                          | USD              | VNĐ           |                                                                        |
|     |                              |                                                                          |                  |               | Giang)                                                                 |
| 8   | T8- T9/2010                  | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT - Scanner Model ECLOS 4 Slices (3.5MHU) | 344.750          |               | Công Ty TNHH Thiệt Bỹ Khoa Đĩ Thân                                     |
| 9   | T8-T9/2010                   | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT - Scanner Model ECLOS 4 Slices (3.5MHU) | 344.750          |               | Công Ty TNHH Thiệt Bỹ Khoa Đĩ Thân                                     |
| 10  | T10-T12/2010                 | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT - Scanner Model ECLOS 4 Slices (3.5MHU) | 344.750          |               | Công Ty TNHH Thiệt Bỹ Khoa Đĩ Thân                                     |
| 11  | T9- T12/2010                 | Hệ thống X quang số CR                                                   | 110.000          |               | BVĐK Khu vực Bĩc Quang                                                 |
| 12  | T9- T12/2010                 | Máy siêu âm màu 4 chiĩu Model EUB-5500                                   | 100.000          |               | Công Ty TNHH Thiệt Bĩ Kĩ Thuĩt H.B                                     |
| 13  | T9- T12/2010                 | Máy siêu âm màu 04 chiĩu                                                 | 61.000           |               | Công ty CP XNK vĩt tĩ kĩ thuĩt REXCO                                   |
| 14  | T10- T12/2010                | Máy X quang Model Radnext 50                                             |                  | 1.044.000.000 | Bĩnh viĩn đĩ khoa tĩnh Thái Bĩnh                                       |
| 15  | T10-T12/2010                 | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Eclos                                   | 900.000          |               | Công Ty TNHH Thiệt Bĩ Kĩ Thuĩt H.B                                     |
| 16  | Tháng 10/2010                | Hệ thống máy siêu âm màu 4D                                              |                  | 4.145.400.000 | Công Ty CP Thĩĩng Mĩi Sao Viĩt                                         |
| 17  | T10-T12/2010                 | Thiĩt bĩ chĩn đĩn hĩnh ĩnh: CT Scanner, X quang, nĩi soi,...             | 820.000          |               | Công ty TNHH phát triĩn Y hĩc Viĩt (Bĩnh viĩn ĐK Hũng Vĩĩng – Phĩ Thĩ) |



| STT       | Thời gian thực hiện hợp đồng          | Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp           | Giá trị hợp đồng |             | Đối tác                                         |
|-----------|---------------------------------------|------------------------------------------|------------------|-------------|-------------------------------------------------|
|           |                                       |                                          | USD              | VNĐ         |                                                 |
| 18        | T11/2010-T8/2011                      | Hệ thống X quang kỹ thuật số             | 120.000          |             | Công ty TNHH Thị trường kỹ thuật HB             |
| 19        | T10/2010 – T6/2011                    | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner | 300.000          |             | Công ty TNHH Thị trường kỹ thuật HB             |
| 20        | Tháng 11/2010-T6/2011                 | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner | 434.000          |             | Công ty CP XNK vật tư kỹ thuật REXCO            |
| 22        | T11/2010-5/2012                       | Hệ thống công nghệ thông tin             | 400.000          |             | Công ty TNHH Thị trường kỹ thuật HB             |
| <b>II</b> | <b>Hợp đồng dịch vụ khám sức khỏe</b> |                                          |                  |             |                                                 |
| 1.        | Tháng 1/2010                          | Khám sức khỏe                            |                  | 99.016.000  | Văn Phòng Thanh Tra Chính Phủ                   |
| 2.        | T2 -T3/2010                           | Khám sức khỏe                            |                  | 115.070.000 | Công Ty TNHH Panasonic Home Appliances Việt Nam |
| 3.        | T5- T6/2010                           | Khám sức khỏe                            |                  | 95.215.000  | Công Ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam                |
| 4.        | T7–T8/2010                            | Khám sức khỏe                            |                  | 209.645.000 | Công Ty TNHH Công Nghệ Muto Hà Nội              |
| 5.        | T7–T8/2010                            | Khám sức khỏe                            |                  | 217.356.000 | Công Ty TNHH Sumitomo Heavy Industries Việt Nam |
| 6.        | T11-T12/2010                          | Khám sức khỏe                            |                  | 75.420.000  | Công ty TNHH chế tạo máy EBA                    |
| 7.        | T12/2010-T1/2011                      | Khám sức khỏe                            |                  | 334.200.000 | Công ty TNHH TOTO Việt Nam                      |



| STT        | Thời gian thực hiện hợp đồng             | Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp | Giá trị hợp đồng |               | Đối tác                                                |
|------------|------------------------------------------|--------------------------------|------------------|---------------|--------------------------------------------------------|
|            |                                          |                                | USD              | VNĐ           |                                                        |
| 8.         | T12/2010-T1/2011                         | Khám sức khỏe                  |                  | 89.235.000    | Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng                           |
| 9.         | T12/2010-T1/2011                         | Khám sức khỏe                  |                  | 155.680.000   | Công ty TNHH Terumo Việt Nam                           |
| 10.        | T12/2010-T1/2011                         | Khám sức khỏe                  |                  | 93.540.000    | Công ty TNHH Yanagawa Seiko VN                         |
| <b>III</b> | <b>Hợp đồng cung cấp vật tư tiêu hao</b> |                                |                  |               |                                                        |
| 1.         | T1-T2/2010                               | Cung cấp phim                  |                  | 581.378.282   | Công Ty TNHH Thiệt B Việt T y T và Dịch Vụ Kế Thu t AD |
| 2.         | T3-T4/2010                               | Cung cấp phim                  |                  | 4.246.044.600 | Công Ty TNHH TM Vĩnh Phát                              |
| 3.         | T4-T5/2010                               | Cung cấp phim                  |                  | 5.497.018.200 | Công Ty TNHH TM Vĩnh Phát                              |
| 4.         | T4- T5/2010                              | Cung cấp phim                  |                  | 851.604.480   | Công Ty TNHH Thiệt B Việt T y T và Dịch Vụ Kế Thu t AD |
| 5.         | T5- T6/2010                              | Cung cấp phim                  |                  | 5.501.315.700 | Công Ty TNHH TM Vĩnh Phát                              |
| 6.         | T2-T3/2010                               | Cung cấp phim                  | 173.028          |               | Công Ty TNHH TM Vĩnh Phát                              |
| 7.         | T3-T5/2010                               | Cung cấp phim                  |                  | 1.343.280.000 | Công Ty CP Dược Liệu TW2 'Phytopharma'                 |
| 8.         | T5-T7/2010                               | Cung cấp phim                  |                  | 3.206.060.000 | Công Ty CP Dược Liệu TW2 'Phytopharma'                 |
| 9.         | T5-T6/2010                               | Cung cấp phim                  |                  | 1.672.000.000 | Công Ty TNHH TM Vĩnh Phát                              |
| 10.        | T5-T6/2010                               | Cung cấp phim                  |                  | 777.978.812   | Công Ty TNHH Thiệt B Việt T y T và Dịch Vụ Kế Thu t AD |



| STT       | Thời gian thực hiện hợp đồng            | Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp                                | Giá trị hợp đồng |               | Đối tác                                                       |
|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------|---------------|---------------------------------------------------------------|
|           |                                         |                                                               | USD              | VNĐ           |                                                               |
| 11.       | T6-T7/2010                              | Cung cấp phim                                                 |                  | 862.314.500   | Công Ty TNHH Thiệt B Việt T y T và Dịch Vụ K Thu t AD         |
| 12.       | T8- T9/2010                             | Cung cấp phim                                                 |                  | 486.074.400   | Công Ty TNHH Thiệt B Việt T y T và Dịch Vụ K Thu t AD         |
| 13.       | T9- T10/2010                            | Cung cấp phim                                                 |                  | 794.503.125   | Công Ty TNHH Thiệt B Việt T y T và Dịch Vụ K Thu t AD         |
| 14.       | T9- T12/2010                            | Cung cấp phim                                                 |                  | 2.959.592.000 | Bệnh Viện Đa Khoa Đoàn Hùng                                   |
| 15.       | T10/2010- T1/2011                       | Cung cấp phim                                                 | 14.239           |               | Công ty TNHH TBYK Đ Thân                                      |
| 16.       | T11-T12/2010                            | Cung cấp phim                                                 | 41.858           |               | Công ty TNHH TB VTYT và DVKT Anh Đào                          |
| 17.       | T10-T11/2010                            | Cung cấp phim                                                 | 49.788           |               | Công ty TNHH TB VTYT và DVKT Anh Đào                          |
| <b>IV</b> | <b>Hợp đồng liên kết hợp tác đầu tư</b> |                                                               |                  |               |                                                               |
| 1.        | T 2010-2020                             | Liên kết hợp đồng máy chụp công nghệ từ (MRI)                 |                  |               | Trung tâm tri li u ung th - Bệnh viện C Thái Nguyên Gammastar |
| 2.        | Tháng 8/2009 đến tháng 8/2019           | Liên kết máy chụp công nghệ từ hạt nhân Model AIRIS MATE 0.2T |                  |               | Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Vĩnh Phúc                              |
| 3.        | T 2010-2015                             | Liên kết hợp đồng X quang số hóa CR                           |                  |               | Bệnh viện ĐK Tam Đa ng - Vĩnh Phúc                            |
| 4.        | Tháng 9/2010- 9/2015                    | Liên kết hợp đồng X quang số hóa CR                           |                  |               | Bệnh viện ĐH Y H i Phòng                                      |



| STT | Thời gian thực hiện hợp đồng | Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp                                   | Giá trị hợp đồng |     | Đối tác                                     |
|-----|------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------|-----|---------------------------------------------|
|     |                              |                                                                  | USD              | VNĐ |                                             |
| 5.  | Từ năm 2010-2018             | Liên kết máy công nghệ thông tin                                 |                  |     | Bệnh viện Kiên An                           |
| 6.  | Từ năm 2010-2010             | Liên kết máy công nghệ thông tin                                 |                  |     | Bệnh viện ĐH Tây Nguyên                     |
| 7.  | Từ năm 2010-2016             | Liên kết máy X quang                                             |                  |     | Bệnh viện ĐK TP Biên Hòa                    |
| 8.  | Từ năm 2010-2015             | Liên kết máy X quang                                             |                  |     | Bệnh viện lao và bệnh phổi Hô Hô Phòng      |
| 9.  | Từ năm 2010-2017             | Liên kết máy chụp cắt lớp vi tính CT - Scanner                   |                  |     | Bệnh viện Hô u Nghê Viêt Tiệp - Hô Hô Phòng |
| 10. | Từ năm 2010-2015             | Liên kết máy chụp cắt lớp vi tính CT - Pronto                    |                  |     | Bệnh viện ĐK huyện Đô Lương                 |
| 11. | Từ năm 2010-2015             | Liên kết máy chụp cắt lớp vi tính CT - Scanner                   |                  |     | Bệnh Viện Nông Nghiệp                       |
| 12. | Từ năm 2010-2010             | Liên kết máy chụp cắt lớp vi tính CT - Scanner                   |                  |     | Bệnh viện Sơn nhi Ninh Bình                 |
| 13. | Từ tháng 04/2010 đến 04/2015 | Liên kết hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner Model Ponto XE |                  |     | Bệnh Viện Nông Nghiệp                       |
| 14. | T12/2010-T12/2015            | Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Eclos                           |                  |     | Bệnh viện E                                 |
| 15. | T11/2010-T11/2015            | Hệ thống X quang số hóa CR POC                                   |                  |     | Bệnh viện ĐK Vĩnh Tường – Vĩnh Phúc         |
| 16. | T11/2010-T11/2020            | Hệ thống công nghệ thông tin APERTO                              |                  |     | Bệnh viện Viêt Nam – Thợ y Địch n Uông Bí   |
| 17. | T11/2010-T11/2016            | Hệ thống X quang số hóa CR Classic                               |                  |     | Bệnh viện ĐK tỉnh Quảng Nam                 |



| STT      | Thời gian thực hiện hợp đồng                | Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp                               | Giá trị hợp đồng |               | Đối tác                                          |
|----------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------|---------------|--------------------------------------------------|
|          |                                             |                                                              | USD              | VNĐ           |                                                  |
| 18.      | T11/2010-T11/2015                           | Hệ thống X quang số hóa CR                                   |                  |               | Trung tâm y tế TP Quy Nhơn                       |
| <b>V</b> | <b>Hợp đồng bảo trì, thay thế linh kiện</b> |                                                              |                  |               |                                                  |
| 1.       | Tháng 4/2010                                | Thay thế linh kiện máy Xquang                                |                  | 384.930.000   | Bệnh Viện Chẩn Đoán                              |
| 2.       | Tháng 4/2010                                | Thay thế linh kiện máy CT-Scanner                            |                  | 1.184.400.000 | Bệnh Viện Chẩn Đoán                              |
| 3.       | Tháng 5/2010                                | Bảo trì hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính, máy in phim laser |                  | 110.000.000   | Công Ty TNHH Thiết Bị và Dụng Cụ Y Khoa 3P       |
| 4.       | Tháng 5/2010                                | Bảo trì máy siêu âm màu                                      |                  | 149.935.000   | Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Quảng Trị                 |
| 5.       | Tháng 5/2010                                | Bảo trì hệ thống máy Xquang, máy MRI                         |                  | 110.000.000   | Bệnh Viện Đà Nẵng                                |
| 6.       | Tháng 6/2010                                | Bảo dưỡng thiết bị chẩn đoán hình ảnh                        |                  | 387.200.000   | Trung tâm y tế xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro |
| 7.       | Tháng 8/2010                                | Bảo dưỡng máy CT-Scanner                                     |                  | 110.000.000   | Bệnh Viện Bà Rịa                                 |

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm liên trước năm đăng ký

### 7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                  | Năm 2009 | Từ 01/01/2010 - 26/09/2010 | Từ 27/09/2010- 31/12/2010 | Tổng cộng năm 2010 | % Tăng (giảm) so với 2009 | Quý I/2011 |
|-------------------------------------------|----------|----------------------------|---------------------------|--------------------|---------------------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản                      | 403.300  | 500.107                    | 465.857                   | 465.857            | 15                        | 544.577    |
| Tổng doanh thu                            | 183.265  | 243.288                    | 178.467                   | 421.755            | 130                       | 55.559     |
| Lợi nhuận trước thuế hoạt động kinh doanh | 37.775   | 52.128                     | 48.989                    | 101.117            | 167                       | 10.118     |



|                      |        |         |         |         |        |         |
|----------------------|--------|---------|---------|---------|--------|---------|
| Lợi nhuận khác       | 2.597  | (158)   | 1.234   | 1.076   | (0,58) | 139     |
| Lợi nhuận trước thuế | 40.372 | 51.970  | 50.223  | 102.193 | 153    | 10.257  |
| Lợi nhuận sau thuế   | 33.306 | 38.935  | 37.663  | 76.598  | 130    | 7.693   |
| Vốn đầu tư thực góp  | 6.000  | 242.000 | 242.000 | 242.000 | 0      | 242.000 |

(Nguồn: BCTCKT Công ty TNHH TB Y Tế Việt Nam và BCTC Công ty CPTB Y tế Việt Nam)

Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty CP vào ngày 27/09/2010, tuy nhiên Ban giám đốc, cơ cấu hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần mới được giữ nguyên so với Công ty TNHH trước đây.

Trong năm 2010, Giá trị TTS Công ty tăng trung bình 15%, doanh thu của Công ty tăng 130% so với năm 2009. Điều này có thể là nhờ hoạt động kinh doanh thiết bị của Công ty được đẩy mạnh và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu so với hoạt động đầu tư liên doanh liên kết trong năm 2009. Lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng tăng trung bình mức tăng của Doanh thu cho thấy việc kiểm soát chi phí tốt của Công ty trong năm 2010.

## 7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

### Thuận lợi

Thu nhập ngày càng tăng của người dân giúp cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh tăng lên trong những năm qua đã có tác động khá tích cực đến hoạt động kinh doanh của các công ty ngành dược và thiết bị y tế nói chung và Công ty nói riêng.

Việc thiết lập được quan hệ hợp tác với những nhà sản xuất các thiết bị y tế trong các nước để liên kết đầu tư trang thiết bị đã xây dựng được trong những năm đã giúp cho công ty có mặt trên thị trường Việt Nam và thị trường nước ngoài.

Là đối lý độc quyền với Thiết bị y tế của Tập đoàn Hitachi- Nhật Bản, Carestream Health KODAK tại Việt Nam và là nhà phân phối chính thức của nhiều hãng thiết bị y tế hàng đầu khác, Công ty luôn có thuận lợi rất lớn về nguồn hàng ổn định, giá cạnh tranh và nhiều hỗ trợ ưu đãi của các nhà sản xuất.

Đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên và đội ngũ đào tạo bài bản từ chính các Hãng cung cấp giúp cho các sản phẩm của Công ty luôn được khách hàng đánh giá cao không chỉ về chất lượng mà còn về dịch vụ sau bán hàng trả góp và chuyên nghiệp.

### Khó khăn

Kinh tế Việt Nam nói riêng và kinh tế thế giới nói chung trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn, thậm chí có những thời điểm đánh giá là suy thoái kinh tế trầm trọng, đã làm hạn chế sự phát triển và chiếm lĩnh của Công ty.

Suy thoái kinh tế cũng làm cho lạm phát tăng, giá bán đầu vào và tăng cao, lãi suất leo cao gây cho công ty nhiều khó khăn trong hoạt động thanh toán bằng ngoại tệ cho Nhà cung cấp. Tỷ giá tiền đầu vào bằng đầu vào làm phát sinh chi phí về tỷ giá nên những hạn chế đến lợi nhuận của Công ty.

Sản phẩm của Công ty cung cấp chủ yếu cạnh tranh trực tiếp và ngày càng lớn từ các hãng Thiết bị y tế hàng đầu khác trên thị trường như Siemens, Smith, Shimadzu, Philip, Gold Lite....



## 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Hiện nay, các thiết bị chẩn đoán hình ảnh của Công ty đã được đưa vào sử dụng tại khoảng hơn 100 bệnh viện hàng đầu trong khu vực, ví dụ Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức, bệnh viện Tim TW, bệnh viện Mắt TW .... Công ty hiện đang giữ thế độc quyền trong việc cung cấp các thiết bị chẩn đoán hình ảnh phục vụ công tác chẩn đoán, khám chữa bệnh trong các bệnh viện và các sản phẩm chính là máy siêu âm, máy chụp cắt lớp, máy X-quang số, máy siêu âm, hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số, hệ thống đưa và xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số.

Với lợi thế là khả năng cung cấp toàn bộ hệ thống chẩn đoán hình ảnh y tế hoàn thiện, của cùng một nhà sản xuất, các trang thiết bị do công ty phân phối và đưa ra liên doanh liên kết đã hiện diện hầu khắp trên các bệnh viện, với hơn 100 bệnh viện tại tuyến Trung ương cũng như tuyến huyện có sử dụng các thiết bị do Công ty cung cấp.

### 8.2 Triệt vong phát triển của ngành

Theo Bộ y tế, hệ thống chăm sóc sức khỏe toàn quốc có khoảng 13.051 thiết bị y tế khoảng 185.759 giường bệnh tính đến năm 2010. Hệ thống bệnh viện nhìn chung quá tải và ít có 15 giường bệnh /10 nghìn dân. Hệ thống trang thiết bị y tế của Việt Nam hiện nay còn thiếu, chưa đồng bộ và lạc hậu so với các nước trong khu vực. Hầu hết trang thiết bị y tế đang sử dụng tại các cơ sở y tế đã lạc hậu, cần thay thế. Nhu cầu bệnh viện hiện tại các thiết bị chuyên dùng, gây ra nhiều khó khăn cho các bệnh nhân và bác sĩ.

Hệ thống y tế tại Việt Nam cũng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong thời gian gần đây với sự đầu tư và ra đời hàng loạt các phòng khám, bệnh viện tư nhân. Mặc dù có chi phí cao và không được bao hiểm chi trả, người dân có điều kiện sẽ sẵn sàng sử dụng hệ thống y tế tư nhân này do hệ thống y tế công có chất lượng thấp và thời gian xuyên quá tải. Cũng theo số liệu tính của Bộ y tế 67,5% chi tiêu dịch vụ khám chữa bệnh được thực hiện tại các bệnh viện phòng khám tư nhân.

Theo chính sách quốc gia về trang thiết bị y tế năm 2002-2010, do Bộ y tế ban hành, Chính phủ Việt Nam đã cam kết sẽ đầu tư khoảng 45,2 nghìn tỷ đồng xây mới và nâng cấp hệ thống bệnh viện chuyên ngành và một số bệnh viện đa khoa tại các vùng núi, vùng gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn từ năm 2009-2013. Ngoài ra, Việt Nam nhận được các khoản viện trợ từ các quốc gia và tổ chức tài trợ thiết bị y tế các tổ chức quốc tế như World Bank, Jica... Có thể đánh giá, nguồn vốn dành cho đầu tư thiết bị y tế Việt Nam là rất lớn trong những năm gần đây.

Sản xuất trang thiết bị y tế là lĩnh vực chuyên dùng và rất đòi hỏi nhiều yêu cầu kỹ thuật kỹ thuật cao, chính xác, an toàn và bền bỉ mà hiện nay các cơ sở sản xuất trong nước chưa đáp ứng. Theo số liệu tính, 86,5% sản phẩm thiết bị y tế nhập khẩu từ nước ngoài đang được nhập khẩu và xu hướng này sẽ vẫn còn tiếp diễn trong các năm tiếp theo.

Việt Nam được đánh giá là một thị trường đầy tiềm năng phát triển thiết bị y tế, với dân số trên 81 triệu người, và tốc độ tăng GDP bình quân trên 7%/năm. Năm 2010, theo báo cáo của Ủy ban thống kê quốc tế M, giá trị thiết bị y tế được đầu tư tại Việt Nam ước tính khoảng 515 triệu USD tương đương 6 USD/một đầu giường và số tiền phải trả tăng trung bình mỗi năm với tốc độ 15,3% /năm. Điều này khiến thị trường thiết bị y tế Việt Nam đạt giá trị hơn 1 tỷ USD vào năm 2015, mặc dù mức đầu tư trên đầu người vẫn còn thấp.

### 8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thị trường.

Xét trên năng lực sản xuất trong nước, và các ngành cam kết của Chính phủ trong việc đầu tư phát triển thị trường Việt Nam nêu trong chính sách quốc gia và trạng thái thị trường năm 2002-2010, thị trường thị trường của Việt Nam trong tương lai hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển. Năm bắt đầu của năm nay, công ty đã có những chiến lược phát triển của mình, và những chính sách phù hợp với định hướng của Nhà nước trong giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, xu hướng phát triển của ngành thị trường trên thị trường cũng được Công ty hết sức quan tâm, và theo dõi sát sao. Các thị trường trên thị trường sẽ được nghiên cứu theo hướng ngày tinh vi, hiện đại, đầu tư nghiên cứu vào những nhóm phân khúc và công tác chẩn đoán sớm và phòng ngừa các căn bệnh nan y. Trình độ nghiên cứu thị trường của Việt Nam chưa thể theo kịp với trình độ của thế giới, và nhu cầu xã hội và trạng thái thị trường khó thu hút cao rồi lại nên việc chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển sẽ là xu hướng tất yếu tại Việt Nam.

#### Kinh doanh, đầu tư

- Tiếp tục phát triển các hệ thống bệnh viện liên kết, mở rộng hoạt động đầu tư vào các bệnh viện trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao tại các tỉnh thành, tập trung phát triển các bệnh viện tuyến huyện nên có nhu cầu khám chữa bệnh lớn nhưng các thị trường còn thiếu.
- Thường xuyên cập nhật tình hình nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên thị trường quốc tế. Tiếp tục phát triển, mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh của Công ty. Xúc tiến các hoạt động làm đại lý, nhà phân phối với các Nhà sản xuất các loại thiết bị hàng đầu trên thị trường trong các mạng lưới thị trường khác.
- Đẩy mạnh các chương trình tiếp thị, quảng bá thương hiệu, tạo dựng hình ảnh thương hiệu nổi bật trong lòng người tiêu dùng.

#### Tài chính

- Hệ thống tài chính sách chi trả các tài sản định, tạo lòng tin và nâng cao lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.
- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn có chi phí thấp để đầu tư mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

#### Nhân lực

- Xây dựng chế độ đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút thêm nhiều nhân lực có lao động vào Công ty, đặc biệt là đối với các kỹ sư có trình độ, những người có kinh nghiệm trong ngành thị trường.
- Cập nhật chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực cho nhân viên thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Sự liên quan giữa lao động trong Công ty



Tổng số lao động của toàn Công ty tại thời điểm 31/03/2011 là 182 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

| Tiêu chí                                | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)   |
|-----------------------------------------|------------------|-------------|
| <b>I. Phân theo trình độ</b>            | <b>182</b>       | <b>100%</b> |
| 1. Trình độ đại học trở lên             | 60               | 33,00%      |
| 2. Trình độ cao đẳng, trung cấp         | 56               | 30,70%      |
| 3. Công nhân kỹ thuật                   | 32               | 17,60%      |
| 4. Lao động khác                        | 34               | 18,70%      |
| <b>II. Phân theo tính chất lao động</b> | <b>182</b>       | <b>100%</b> |
| 1. Lao động trực tiếp                   | 70               | 38,50%      |
| 2. Lao động gián tiếp                   | 112              | 61,50%      |
| <b>III. Phân theo giới tính</b>         | <b>182</b>       | <b>100%</b> |
| 1. Lao động nữ                          | 40               | 22,00%      |
| 2. Lao động nam                         | 142              | 78,00%      |

(Nguồn: Công ty CP Thiết Bị Y Tế Việt Nam)

## 9.2. Chế độ làm việc

### Thời gian làm việc:

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần. Thời giờ nghỉ vào ngày thứ bảy và chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

### Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:

Thời giờ nghỉ theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc được 12 tháng được tính theo thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp được nghỉ thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết với số ngày theo quy định của Bộ Luật lao động.

### Nghỉ ốm, thai sản:

Nhân viên Công ty được nghỉ ốm và hưởng lương theo chế độ hiện hành. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ đúng quy định theo chế độ bảo hiểm còn được hưởng lương do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Môi trường làm việc: Người lao động trong Công ty tùy theo tính chất công việc được trang bị đầy đủ các thiết bị, vật dụng cần thiết để phục vụ cho công việc. Cán bộ công tác tại các bệnh viện đều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng chức năng theo quy định.

## 9.3. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

**Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, luôn quan tâm, thu hút các người có năng lực, trình độ, đức tính là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực Thiết bị y tế.



**Đào tạo:** Công ty luôn cung cấp cho nhân viên những cơ hội đào tạo (trong nước và nước ngoài: tại Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Ấn Độ, Pháp, Trung Quốc, Hàn Quốc), hỗ trợ nhân viên xây dựng kỹ năng phát triển cá nhân để giúp nhân viên vừa phát triển nghề nghiệp, vừa đạt được các mục tiêu cá nhân.

Đối với Nhân viên mới tập sự, Công ty sẽ giúp nhân viên hòa nhập với công việc nhanh nhất bằng các khóa đào tạo nhằm bổ sung các kiến thức thực tiễn, hỗ trợ trong việc tiếp xúc với khách hàng, các biện pháp để tiếp cận các mối quan hệ cho nhân viên.

Đối với nhân viên đã có kinh nghiệm, công ty sẽ có các khóa đào tạo nâng cao, giúp nhân viên có thể tiếp tục phát triển và nâng cao kỹ năng.

#### **9.4. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

##### **Chính sách lương, thưởng:**

Công ty thực thi chính sách tiền lương cạnh tranh, đãi ngộ xứng đáng với sự đóng góp của cá nhân vào kết quả hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo viên toàn thể nhân viên các cấp đáp ứng được yêu cầu của công việc và đóng góp vào sự thành công của công ty.

Với chính sách khen thưởng, Công ty thực thi chế độ khen thưởng công bằng, các khoản tiền thưởng được xem xét theo thành tích công việc của đơn vị và cá nhân có liên quan và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

##### **Bổ trợ và phúc lợi:**

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chế độ phúc lợi của công ty vừa phù hợp với luật pháp hiện hành vừa có những nét riêng của công ty như nghỉ mát, du lịch và các chế độ khác... cho nhân viên.

#### **10. Chính sách cổ tức**

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đối với cổ đông thường niên quy định tại Điều lệ của công ty cho cổ đông dựa trên dự xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phân phối lợi nhuận kinh doanh của năm tiếp theo.

#### **11. Tình hình hoạt động tài chính**

##### **11.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam theo các quy định hiện hành về kế toán Việt Nam. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

##### **11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính căn cứ theo Quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:



- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 năm
- Máy móc, thiết bị: 6 năm
- Phụ kiện gắn liền với: 06 - 10 năm
- Phụ kiện gắn liền, dùng chung: 03 - 08 năm

**11.1.2. Mức lương bình quân**

Mức lương bình quân của người lao động hiện tại là 3.800.000 đồng/tháng, đây là mức lương trung bình khá so với các doanh nghiệp cùng ngành.

**11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khi có tín dụng. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn chưa được phòng..

Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty không có khoản nợ nào với các Thành viên HĐQT, Ban GD, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và nhà quản lý có liên quan.

**11.1.4. Trích lập các quỹ**

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH đến ngày 26/09/2010 nên việc trích lập các quỹ trong thời gian này sẽ do hội đồng thành viên Công ty TNHH quyết định. Khi chuyển đổi thành công ty Cổ phần, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tuy nhiên, kể từ khi chuyển sang loại hình cổ phần, Công ty chưa thực hiện các quy định nên các quỹ theo quy định sẽ được trích lập sau khi có nghị quyết từ phía ĐHCĐ. Công ty hiện ghi nhận như sau:

**11.1.5. Tình hình nợ vay**

Đến thời điểm 31/03/2011, các khoản vay của Công ty đều từ các Ngân hàng theo danh sách dưới đây và không có nợ quá hạn. Công ty không có các khoản vay từ cá nhân hay các thành viên chủ chốt tính đến thời điểm 31/03/2011.

- Vay và nợ ngắn hạn: 80.010 triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT       | Hợp đồng vay                                                                                                     | Số dư nợ |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>I.</b> | <b>Vay ngắn hạn</b>                                                                                              |          |
| 1         | Hợp đồng vay ngắn hạn số 22449/HĐTD/NH -TN-TCB ngày 29/12/2010 do Ngân hàng TMCP Kênh thông tin Việt Nam cho vay | 8.179    |
| 2         | Hợp đồng vay ngắn hạn số 234/2009/HĐTD ngày 17/07/2009 do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cho vay            | 50.319   |
| 3         | Hợp đồng vay ngắn hạn số 2007/HĐTD2-VIB06/10 do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam cho vay                          | 16.999   |



|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 4                | Hợp đồng vay ngắn theo hợp đồng tín dụng số 1012/VP021/HĐTD - NH/2010 ngày 29/12/2010 do Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội                                                                                                                                                                       | 3.786         |
| 5                | Các khoản gốc đến hạn trả trong vòng 1 năm theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 20.07.06/CTTC ngày 14/03/2007, 20.07.08/CTTC ngày 14/03/2007, số 10.05.32/CTTC ngày 14/9/2005, số 07.04.12/CTTC ngày 10/11/2004 do Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cho vay | 725           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>80.010</b> |

(Nguồn: BCTC công ty CP Thương mại Dịch vụ Việt Nam)

- Vay và nợ dài hạn: 38.336 triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT              | Hợp đồng vay                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số dư nợ      |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| <b>I.</b>        | <b>Vay dài hạn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                  |               |
| 1                | Hợp đồng vay dài hạn số 258/2009/HĐTD ngày 18/08/2009 do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cho vay                                                                                                                                                                                                | 33.164        |
| 2                | Các Hợp đồng vay dài hạn 2203/HĐTD2-VIB09/10 ngày 18/09/2010, số 2199.01/HĐTD2-VIB09/10 ngày 13/09/2010, số 2007/HĐTD2-VIB06/10 ngày 18/06/2010 do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam cho vay                                                                                                          | 4.447         |
| 3                | Các khoản gốc đến hạn trả trong vòng từ 1 năm trở lên theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 20.07.06/CTTC ngày 14/03/2007, 20.07.08/CTTC ngày 14/03/2007, số 10.05.32/CTTC ngày 14/9/2005, số 07.04.12/CTTC ngày 10/11/2004 do Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cho vay | 725           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>38.336</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán công ty CP Thương mại Dịch vụ Việt Nam

**11.1.6. Tình hình công nợ hiện nay**

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Từ ngày<br>31/12/2009 | Từ ngày<br>31/12/2010 | Từ ngày<br>31/03/2011 |
|----------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|----------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|



|                           | Tổng số        | Nợ quá hạn | Tổng số        | Nợ quá hạn | Tổng số        | Nợ quá hạn |
|---------------------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|
| <b>Phí thu ngân hàng</b>  | <b>105.186</b> | <b>0</b>   | <b>177.870</b> | <b>0</b>   | <b>178.916</b> | <b>0</b>   |
| Phí thu từ khách hàng(1)  | 100.540        | 0          | 175.741        | 0          | 172.659        | 0          |
| Trợ trợ cấp cho người bán | 4.421          | 0          | 2.089          | 0          | 6.227          | 0          |
| Các khoản phí thu khác    | 224            | 0          | 30             | 0          | 30             | 0          |
| <b>Phí thu dài hạn</b>    | <b>0</b>       | <b>0</b>   | <b>0</b>       | <b>0</b>   | <b>0</b>       | <b>0</b>   |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>105.186</b> | <b>0</b>   | <b>177.870</b> | <b>0</b>   | <b>178.916</b> | <b>0</b>   |

(Nguồn: BCTCKT Công ty TNHH TB Y Tế Việt Nhật và BCTCKT Công ty CPTB Y Tế Việt Nhật)

(1) Khoản phí thu từ khách hàng tăng hơn 74% trong năm 2010 so với năm 2009 là do trong năm 2010, Công ty đẩy mạnh hoạt động bán hàng, doanh thu năm 2010 tăng, nên khoản phí thu khách hàng tăng tương ứng.

o *Mối quan hệ giữa CTCP Thương mại Dịch vụ Việt Nhật và CTCP Đầu tư Y Tế Việt Nhật*

a) *Vị trí máy nhân sự*

CTCP Đầu tư Y Tế Việt Nhật đây là Bên liên quan với CTCP Thương mại Dịch vụ Việt Nhật, có nhân sự đáng kể (có mặt trong HĐQT và Ban Giám đốc) đối với Công ty CP Thương mại Dịch vụ Việt Nhật, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Phương Hồng - Giám đốc CTCP Đầu tư Y Tế Việt Nhật hiện đang giữ chức vụ Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT CTCP Thương mại Dịch vụ Việt Nhật.
- Ông Lê Văn Hoàng - Phó Giám đốc CTCP Đầu tư Y Tế Việt Nhật hiện đang giữ chức vụ Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại Dịch vụ Việt Nhật.

Như vậy, với việc bà Hồng và ông Hoàng vừa là Giám đốc và phó Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Y Tế Việt Nhật, vừa giữ chức vụ chủ chốt của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Việt Nhật. Công ty Cổ phần Đầu tư Y Tế Việt Nhật được coi là bên có liên quan và có nhân sự đáng kể với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Việt Nhật trong việc ra các quyết định các chính sách tài chính hoạt động và phối hợp thực hiện trên BCTC của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Việt Nhật.

b) *Vị trí hoạt động kinh doanh:*

Công ty CP Đầu tư Y Tế Việt Nhật ký kết các hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Nhật (nay là Công ty CP Thương mại Dịch vụ Việt Nhật) và trong đó gây thắc cho Công ty CP Thương mại Dịch vụ Việt Nhật như sau: Do đó, mối quan hệ giữa Công ty CP Đầu tư Y Tế Việt Nhật và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Nhật là mối quan hệ Bên ủy thác- Bên nhận ủy thác như sau:

Ngoài ra, giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Y Tế Việt Nhật và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Nhật (nay là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Việt Nhật) cũng phát sinh các giao dịch mua bán vật tư thiết bị y tế phục vụ nhu cầu kinh doanh của mỗi bên. Do Công ty Cổ phần Đầu tư Y Tế Việt Nhật được coi là bên liên quan đối với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Việt Nhật, các giao dịch mua bán này đều được thực hiện đầy đủ trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Việt Nhật

Danh sách chi tiết khoản phí thu khách hàng của Công ty từ thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011 như sau:



| STT | Tên khách hàng                                       | Tổng ngày<br>31/12/2009 | Tổng ngày<br>31/12/2010 | Tổng ngày 31/03/2011  |
|-----|------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1.  | Công ty TNHH Thương mại và<br>dịch vụ                | -                       | 5.492.462.500           | 5.503.462.500         |
| 2.  | Bệnh viện Bạch Mai                                   | -                       | 3.240.154.011           | 3.410.742.335         |
| 3.  | Công ty TNHH Thương mại và<br>Dịch vụ KT             | 881.746.500             | -                       |                       |
| 4.  | Bệnh viện Đa khoa Phú<br>Thị                         | 3.366.578.000           | 1.533.256.986           | 2.720.692.969         |
| 5.  | <b>Công ty Cổ phần Thương mại và<br/>Dịch vụ (*)</b> | <b>76.179.544.876</b>   | <b>72.038.859.358</b>   | <b>68.130.388.311</b> |
| 6.  | Công ty TNHH MTV 16 A                                | -                       | 15.080.225.000          |                       |
| 7.  | Công ty TNHH Thương mại và<br>Dịch vụ Tín            | -                       | 1.214.320.200           | 15.080.255.000        |
| 8.  | Doanh nghiệp tư nhân<br>Việt Hoa                     | -                       | 1.427.500.000           | 1.427.500.000         |
| 9.  | Công ty Cổ phần Y cao                                | 3.800.000.000           |                         |                       |
| 10. | Công ty TNHH Thương mại và<br>Dịch vụ HB             | -                       | 41.306.000.000          | 39.550.788.000        |
| 11. | Phòng khám đa khoa<br>Khang Đức                      | -                       | 8.413.750.000           | 8.213.750.000         |
| 12. | Công ty Cổ phần Thương mại và<br>Dịch vụ Sao Việt    | 3.435.100.000           | -                       |                       |
| 13. | Công ty Cổ phần Thương mại và<br>Dịch vụ Thái Bình   | 1.974.000.000           | -                       |                       |
| 14. | Công ty TNHH Phát triển<br>Y học Việt                | -                       | 17.406.360.130          | 14.370.085.176        |
| 15. | Công ty TNHH Thương mại và<br>Dịch vụ Tín            |                         | 1.214.320.200           | 1.214.320.200         |
| 16. | Bệnh viện đa khoa tỉnh<br>Bắc Giang                  |                         | 595.100.000             | 1.323.844.000         |
| 17. | Bệnh viện đa khoa tỉnh<br>Quảng Nam                  |                         | -                       | 1.309.000.000         |
| 18. | Bệnh viện đa khoa tỉnh<br>Thái Bình                  |                         | 52.200.000              | 1.533.721.654         |
| 19. | Phí thu khách hàng khác                              | 10.903.594.991          | 8.588.179.073           | 8.870.938.943         |



|  |           |                 |                 |                 |
|--|-----------|-----------------|-----------------|-----------------|
|  | Tổng cộng | 100.540.564.367 | 175.741.067.258 | 172.659.489.088 |
|--|-----------|-----------------|-----------------|-----------------|

(Nguồn: BCTCKT Công ty CPTB Y tế Việt Nam)

(\*) Khoản phải thu của Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam:

o Số dư khoản phải thu của CTCP Đầu tư Y tế Việt Nam:

Năm tài chính 2007, 2008 và 2009, Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam chủ yếu đã có B/Y tế cấp giấy phép để đi u kiện để các nhà sản xuất thiết bị y tế. Do vậy Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam ký hợp đồng với Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nam (nay là Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nam) và vì có ý thức cho Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nam hoạt động sản xuất thiết bị y tế. Theo đó, Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nam đã có hợp đồng giao hàng ý thức sản xuất (ghi nhận là doanh thu của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam). Khi Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam bàn giao thiết bị y tế sản xuất cho Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam ghi nhận phải thu Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam theo đúng giá trị thiết bị y tế sản xuất (không phát sinh doanh thu chi phí).

Cũng theo quy định của hợp đồng ý thức sản xuất, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam cho phép Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam được phép trả chậm (trong vòng 2 - 3 năm). Do vậy số công nợ mà Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nam phải thu Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam tại ngày 31/12/2010 là 72.038.859.358 số dư các thanh toán trong năm 2011 và 2012, đây là khoản nợ mua máy móc ý thức sản xuất.

▪ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                           | Tại ngày 31/12/2009 |            | Tại ngày 31/12/2010 |            | Tại ngày 31/03/2011 |            |
|------------------------------------|---------------------|------------|---------------------|------------|---------------------|------------|
|                                    | Tổng số             | Nợ quá hạn | Tổng số             | Nợ quá hạn | Tổng số             | Nợ quá hạn |
| Nợ ngắn hạn                        | 349.883             | 0          | 158.119             | 0          | 198.767             | 0          |
| Vay ngắn hạn                       | 37.301              | 0          | 70.978              | 0          | 80.010              | 0          |
| Phải trả ngắn hạn bán (*)          | 266.399             | 0          | 38.884              | 0          | 64.062              | 0          |
| Ngân hàng mua trên tài khoản       | 38.462              | 0          | 14.409              | 0          | 18.982              | 0          |
| Thu và các khoản phải nộp Nhà nước | 7.260               | 0          | 33.156              | 0          | 35.686              | 0          |
| Phải trả ngắn hạn lao động         | 0                   | 0          | 690                 | 0          | 26                  | 0          |
| Phải trả ngắn hạn khác             | 0                   | 0          | 0                   | 0          | 0                   | 0          |
| Nợ dài hạn                         | 7.459               | 0          | 18.370              | 0          | 48.748              | 0          |
| Vay và nợ dài hạn                  | 7.459               | 0          | 7.957               | 0          | 38.335              | 0          |
| Phải trả dài hạn ngắn hạn bán      | 0                   | 0          | 10.413              | 0          | 10.413              | 0          |



|      |         |   |         |   |         |   |
|------|---------|---|---------|---|---------|---|
| Tổng | 356.883 | 0 | 176.489 | 0 | 247.516 | 0 |
|------|---------|---|---------|---|---------|---|

(Nguồn: BCTCKT Công ty TNHH TB Y Tế Việt Nam và BCTCKT Công ty CPTB Y Tế Việt Nam)

(\*) Chỉ tiêu phải trả ngắn hạn và bán giá trị mua sắm trong năm 2010 (tổng 266 tỷ năm 2009 xuống 38 tỷ năm 2010) là do trong năm 2010, công ty đã có chủ trương giảm vốn thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 6 tỷ lên 242 tỷ và dùng nguồn tiền này để có chủ trương cân cân công nợ, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.

#### 11.2. Các chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

| Chỉ tiêu                                                             | ĐVT | Năm 2009 | Năm 2010 | Quý I/2011 |
|----------------------------------------------------------------------|-----|----------|----------|------------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                            |     |          |          |            |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>TSNH/Nợ ngắn hạn                     | Lần | 0,58     | 1,66     | 1,48       |
| - Hệ số thanh toán nhanh:<br>(TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn       | Lần | 0,43     | 1,16     | 0,95       |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                     |     |          |          |            |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                              | %   | 88       | 38       | 45         |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                            | %   | 769      | 61       | 83         |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                             |     |          |          |            |
| - Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | Lần | 2,60     | 4,37     | 0,42       |
| - Doanh thu thu nhập/Tổng tài sản bình quân                          | Lần | 0,52     | 0,97     | 0,11       |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                              |     |          |          |            |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                           | %   | 18       | 18       | 14         |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                  | %   | 125      | 46       | 3          |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                    | %   | 10       | 18       | 1          |
| - Hệ số Lợi nhuận trước thuế/HĐKD/Doanh thu thuần                    | %   | 21       | 24       | 18         |

Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Nam

#### Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của công ty trong năm 2009 đều thấp (đặc biệt là 1) lần lượt là 0,58 và 0,43 lần. Điều này thể hiện việc cung ứng vốn kinh doanh của công ty phụ thuộc rất nhiều vào vốn vay, đặc biệt là các khoản nợ ngắn hạn cho nhà cung cấp (vì công ty là đối lý để quyên nên để có hàng các chính sách thanh toán ưu đãi). Sang đầu năm 2010, cùng với việc có chủ trương giảm vốn thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 6 tỷ lên 242 tỷ, hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty đã có sự cải thiện lên mức an toàn, lần lượt là 1,66 và 1,16 lần.

#### Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn:



Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ có giá trị liên tục trong năm 2009, với mức vốn đầu tư là 6 tỷ đồng, giá trị nợ vay chiếm 88% trong tổng TS, và bằng 769% vốn chủ sở hữu. Trong năm 2010, sau khi công ty tiếp tục thu hút vốn bằng cách tăng vốn đầu tư lên 242 tỷ đồng, công ty có tổng tài sản của công ty đã được chỉnh sửa mức an toàn là 38%. Tổng nợ trên/vốn chủ sở hữu cũng giảm còn 61%. Chiếm phần lớn giá trị là các khoản trích lập nhà cung cấp theo chính sách ưu đãi dành cho đối lý đặc quy.

#### **Các chỉ tiêu và năng lực hoạt động:**

Các chỉ tiêu và năng lực hoạt động của Công ty có mức tăng liên tục trong năm 2010 so với năm 2009 như sau:

- Mức độ giá trị hàng tồn kho tăng từ 50 tỷ năm 2009 lên 79 tỷ năm 2010 nhưng hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,67 lần năm 2009 lên 4,37 lần năm 2010, cho thấy hiệu quả tiêu thụ sản phẩm của Công ty rất ấn tượng như mức lợi nhuận phân phối hàng nhập từ các bên liên quan trên công ty.

- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân tăng từ 0,52 lần năm 2009 lên 0,97 lần năm 2010. Hiệu quả hoạt động của công ty tăng cao trong năm 2010 có sự đóng góp lớn của việc doanh thu thuần (tăng khoảng 131% so với năm 2009) tăng nhanh hơn so với mức tăng của Tổng tài sản (tăng khoảng 16% so với năm 2009).

#### **Các chỉ tiêu và khả năng sinh lời:**

Các chỉ tiêu và khả năng sinh lời của Công ty có sự tăng trưởng đáng kể trong khi hệ số LNST/Doanh thu thuần đạt 18% qua 02 năm 2009 và 2010, thì các hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (tăng từ 10% năm 2009 lên 18% năm 2010) và Hệ số Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần (tăng từ 21% năm 2009 lên 24% năm 2010) có sự tăng trưởng tốt. Ngoài hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân có sự sụt giảm mạnh do Công ty tiếp tục hành tăng vốn đầu tư, thì các chỉ tiêu khác đều cho thấy khả năng sinh lời rất tốt trong năm 2010 của Công ty.

**12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****12.1. Danh sách HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****Hội đồng quản trị:**

- |    |                         |                                  |
|----|-------------------------|----------------------------------|
| 1. | Ông Lê Văn Hoàng        | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc      |
| 2. | Bà Nguyễn Phụng Hoàng   | Ủy viên HĐQT kiêm Phó giám đốc   |
| 3. | Ông Phạm Văn Thanh      | Ủy viên HĐQT kiêm Phó giám đốc   |
| 4. | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh | Ủy viên HĐQT kiêm Phó giám đốc   |
| 5. | Bà Hoàng Bích Ngọc      | Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng |
| 6. | Ông Nguyễn Hữu Đình     | Ủy viên HĐQT                     |
| 7. | Bà Đặng Thị Ngọc        | Ủy viên HĐQT                     |
| 8. | Bà Đặng Ngọc Ngọc       | Ủy viên HĐQT                     |

**Ban giám đốc:**

- |    |                         |                                |
|----|-------------------------|--------------------------------|
| 1. | Ông Lê Văn Hoàng        | Giám đốc                       |
| 2. | Bà Nguyễn Phụng Hoàng   | Phó giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT |
| 3. | Ông Phạm Văn Thanh      | Phó giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT |
| 4. | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh | Phó giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT |

**Ban kiểm soát:**

- |    |                     |                      |
|----|---------------------|----------------------|
| 1. | Bà Vũ Thị Hồng Ninh | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. | Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên           |

**Kế toán trưởng:**

- |    |                    |                |
|----|--------------------|----------------|
| 1. | Bà Hoàng Bích Ngọc | Kế toán trưởng |
|----|--------------------|----------------|

**Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị****Ông Lê Văn Hoàng**

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT, giám đốc Công ty Cổ phần Thiệt Bồi Y Tế Việt Nam
- Số CMTND: 011924999 do CA Hà Nội cấp ngày 29/10/2007
- Giới tính: Nam



- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1976
- Nơi sinh: Quận Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Triều-Quận Ninh
- Địa chỉ thường trú: 23 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện liên lạc cá nhân: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư.Đội học Kỹ Thuật Kyoto (Kyoto Institute of Technology)
- Quá trình công tác:
  - o T4/1996- T4/2001: Du học theo diện học bổng chính phủ Nhật Bản(Monbusho).
  - o T9/2001- T9/2010: Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nam (đã đổi tên thành công ty CP TBYT Việt Nam)
  - o T10/2010- nay: Giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nam
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác:
  - P. Giám đốc Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ : 13.310.000 cổ phiếu chiếm 55% VDL
- Người nắm giữ có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

| Stt | Họ & tên NCLQ      | Quan hệ nhân thân | Họ & tên NSCC | SLCP NCLQ sở hữu |
|-----|--------------------|-------------------|---------------|------------------|
| 1.  | Lê Minh Hoàng      | Cháu ruột         | Lê Văn Hoàng  | 1.089.000        |
| 2.  | Lê Thu Huyền       | Em ruột           | Lê Văn Hoàng  | 768.800          |
| 3.  | Nguyễn Phụng Hoàng | Vợ                | Lê Văn Hoàng  | 1.210.000        |
| 4.  | Lê Thanh Huyền     | Em ruột           | Lê Văn Hoàng  | 1.200.000        |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không



- Quy định nội bộ mâu thuẫn nội bộ Công ty: Không

#### ■ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nam
  - Số CMTND: 011932028 do CA Hà Nội cấp ngày 23/08/2006
  - Giới tính: Nữ
  - Ngày tháng năm sinh: 13/06/1978
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Hải Phòng
  - Địa chỉ thường trú: 23 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
  - ĐT liên lạc cá nhân: (84-4) 36830516
  - Trình độ văn hóa: Đại học
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngoại thương
  - Quá trình công tác:
    - o 1997- 1999/2000: Sinh viên trường Đại học Ngoại thương
    - o 1999/2000- 1999/2002: Sinh viên chuyên tập trường Đại học Kyoto-Nhật Bản
    - o 1999/2002- 1999/2010: P. Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nam (nay là Công ty CP TBYT Việt Nam)
    - o 1999/2010- nay: P. Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nam
3. Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác:
- Giám đốc Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam
4. Số cổ phần nắm giữ: 1.210.000 cổ phiếu chiếm 5% VDL
5. Nhóm người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

| Stt | Họ & tên NCLQ         | Quan hệ nhân thân | Họ & tên NSCC         | SLCP NCLQ sở hữu |
|-----|-----------------------|-------------------|-----------------------|------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Ngọc Hương | Bố                | Nguyễn Thị Ngọc Hương | 500              |
| 2   | Đoàn Thị Ngọc Hương   | Mẹ                | Nguyễn Thị Ngọc Hương | 500              |
| 3   | Nguyễn Thị Ngọc Hương | Em ruột           | Nguyễn Thị Ngọc Hương | 500              |



| Stt | Họ & tên NCLQ | Quan hệ nhân thân | Họ & tên NSCC                  | SLCP NCLQ số hộ u |
|-----|---------------|-------------------|--------------------------------|-------------------|
|     |               |                   | Phụ ông Hộ nh                  |                   |
| 4   | Lê Văn Hộ ông | Ch ông            | Nguyễn Hộ ông<br>Phụ ông Hộ nh | 13.310.000        |

6. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
7. Lợi ích liên quan với Công ty: Không
8. Các khoản nợ với Công ty: Không
9. Quy định mâu thuẫn với Công ty: Không

#### ■ Ông Phạm Văn Thanh

- Chức vụ hiện tại: Phó Giám Đốc kiêm TV HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- Số CMTND: 013311569 do CA Hà Nội cấp ngày 27/05/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/04/1979
- Nơi sinh: Tam Đa xã, Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Sơn, Huyện Phòng
- Địa chỉ thường trú: Phòng 812 OCT1 X1 Đồi kim, Hoàng mai, Hà Nội
- ĐT liên lạc cá nhân: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử
- Quá trình công tác:
  - o 1997 - 2002: Sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
  - o 2002 - 2003: Kỹ sư Service Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật
  - o 2003 - 2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật
  - o 2006 – T09/2010: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
  - o T10/2010- nay: Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ:
 

Trong đó: Số hộ cá nhân: 118.000 cổ phiếu ưu đãi 0,4876% VDL



- Nhng ng i có liên quan nm gi c phn: Không
- Hành vi vi phm pháp lut: Không
- L i ích liên quan v i Công ty: Không
- Các kho n n v i Công ty: Không
- Quy n l i mâu thu n v i Công ty: Không

#### ■ Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh

- Ch c v hi n t i: Thành viên HĐQT, Phó Giám đ c Công ty Cổ phn Thi t b y t Vi t Nh t
- S CMTND: 011932483 do CA Hà N i c p ngày 03/11/2010
- Gi i tính: N
- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1981
- N i sinh: Hà N i
- Qu c tch: Vi t Nam
- Dân t c: Kinh
- Quê quán: Hà N i
- Địa ch th ng trú: S 23, ph Hàn Thuyên, Ph ng Ph m Đình H , Qu n Hai Bà Tr ng, Hà N i
- ĐT liên l c c quan: (84-4) 36830516
- Trình đ văn hóa: 12/12
- Trình đ chuyên môn: C nhân Quan h Qu c t
- Quá trình công tác:
  - o 2003 - 2004: Nhân viên công ty TNHH Thi t b y t Vi t Nh t
  - o 2004 – 2006: Tr ng phòng kinh doanh công ty TNHH Thi t b y t Vi t Nh t
  - o 2006 – T9/2010: Phó giám đ c công ty TNHH Thi t b y t Vi t Nh t (nay đ i thành công ty Cổ phn Thi t b y t Vi t Nh t)
  - o T10/2010- nay Phó giám đ c kiêm Thành viên H i đ ng qu n tr công ty CP Thi t b y t Vi t Nh t
- Các ch c v đang nm gi t i t ch c khác: Không
- S c phn nm gi : 52.000 c phi u chi m 0,2149% VDL
- Nhng ng i có liên quan nm gi c phi u:

| Stt | H & tên NCLQ | Quan h nhân thân | H & tên NSCC         | SLCP NCLQ s h u |
|-----|--------------|------------------|----------------------|-----------------|
| 1   | Đ ng Nh N ng | M                | Nguyễn Thị Quỳnh Anh | 500             |



- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quy định nội mâu thuẫn với Công ty: Không

#### ■ Bà Hồ Bích Ngọc

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam

- Số CMTND: 013148056 do CA Hà Nội cấp ngày 10/01/2009
  - Giới tính: Nữ
  - Ngày tháng năm sinh: 22/11/1979
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Mê Linh- Hà Nội
  - Địa chỉ thường trú: TT LĐT và T. Lý, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
  - ĐT liên lạc cá nhân: (84-4) 36830516
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính- Kế toán
  - Quá trình công tác:
    - o 1997- T6/2001: Sinh viên trường Đại học Tài chính Kế toán
    - o T8/2001- T4/2002: Kế toán trưởng hợp công ty CP Thiệt Bại Y Tế
    - o T05/2002- T9/2010: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiệt Bại Y Tế Việt Nam
    - o T10/2010- nay: Kế toán trưởng kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Thiệt Bại Y Tế Việt Nam
  - Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ : 102.000
- Trong đó sốหุ้น cá nhân 102.000 cổ phiếu ưu đãi 0,4215% VDL
- Nhóm người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

| Stt | Họ & tên NCLQ | Quan hệ nhân thân | Họ & tên NSCC | SLCP NCLQ sốหุ้น |
|-----|---------------|-------------------|---------------|------------------|
| 1   | Vũ Mạnh Trọng | Con               | Hồ Bích Ngọc  | 300              |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không



- Quy định về mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

#### ■ Ông Nguyễn Hữu Đình

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị
- Số CMTND: 010653795 Cấp ngày 18/12/2007, CA Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/07/1951
- Nơi sinh: Hội Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hội Phòng
- Địa chỉ thường trú: 23 Hàn Thuyên, phường Nguyễn Phú Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- ĐT liên lạc cá nhân: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư, Tiến sĩ Toán-Lý
- Quá trình công tác:
  - o 1977 - 2005: Cán bộ nghiên cứu, Viện Toán học, Viện Khoa học Việt Nam
  - o 2005 – T9/2010: Giảng viên chính, PGS.TS của Trường ĐHKHTN, ĐHQG Hà Nội.
  - o T10/2010-nay: TV Hội đồng QT Công ty CP Thương mại Dịch vụ Việt Nhất
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác:
  - o Giám đốc Trung tâm Tính toán Hiệu năng cao, ĐHKHTN, ĐHQG Hà Nội.
  - o Giảng viên chính, PGS.TS của Trường ĐHKHTN, ĐHQG Hà Nội
- Số cổ phần nắm giữ : 500
  - o Trong đó: Sốหุ้น cá nhân: 500 cổ phiếu ưu đãi 0,0021% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Stt | Họ & tên NCLQ/<br>Tên công ty | Quan hệ nhân thân | Họ & tên NSCC   | SLCP NCLQ sốหุ้น |
|-----|-------------------------------|-------------------|-----------------|------------------|
| 1   | Nguyễn Phú Đình Hồ            | Con rể            | Nguyễn Hữu Đình | 1.210.000        |
| 2   | Nguyễn Hữu Hùng               | Con rể            | Nguyễn Hữu Đình | 500              |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không



- Quy định nội mâu thuẫn với Công ty: Không

■ **Bà Đặng Thị Ngọc**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Nam
- Số CMTND: 024999108 do CA TP HCM cấp ngày 13/06/2008
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/05/1953
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 380/46/8/2 Lê Văn Lương, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. HCM
- ĐT liên lạc cá nhân: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Hóa học.
- Quá trình công tác:
  - o 1977 - 1983: Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I
  - o 1983 - 1988: TT Hóa học, Khu Liên hợp luyện kim Kremicopsi, Xophia, Bulgaria
  - o 1990 - 1995: Nhân viên Công ty TNHH KD Hóa chất Thái Thuận, TP. HCM
  - o 1995 - 1999: Cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật, ĐH KHTN, TP. HCM
  - o 2000 - 2004: Giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật công nghệ, TP. HCM
  - o 2005 - 2008: Giảng viên Trường Cao đẳng BC Công nghệ & QTDN, TP. HCM
  - o T10/2010 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nam
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác: Giảng viên Trường Cao đẳng Nguyễn Trãi Thành, TP. HCM
- Số cổ phần nắm giữ: 500
 

Trong đó: Sốหุ้น cá nhân: 500 cổ phần chiếm 0,0021% VDL
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:



| Stt | Họ & tên NCLQ/<br>Tên công ty | Quan hệ nhân<br>thân | Họ & tên<br>NSCC   | SLCP NCLQ số hộ u |
|-----|-------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------|
| 1   | Đông Nhung Nhung              | Em gái               | Đông Thập<br>Nhung | 500               |
| 2   | Nguyễn Phụng<br>Hạnh          | Con rể               | Đông Thập<br>Nhung | 1.210.000         |
| 3   | Nguyễn Hữu Hữu                | Con rể               | Đông Thập<br>Nhung | 500               |

- Quy định nội mâu thuẫn với Công ty: Không

#### ■ Bà Đông Nhung Nhung

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Thiệt Bồi Y Tế Việt Nam
- Số CMTND: 010981551 do CA Hà Nội cấp ngày 03/11/2010
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/02/1956
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 23, phố Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- ĐT liên lạc cá nhân: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Doctorate Bách khoa
- Quá trình công tác:
  - o 1980 - 1987 : Nhân viên nhà máy Dệt 19/5 – Hà Nội
  - o 1988 -1993 : Cán bộ Hội LHPN Hà Nội
  - o 1993 – T09/2010 : Kinh doanh cá nhân
  - o T10/2010- nay : Thành viên HĐQT công ty CP Thiệt Bồi Y Tế Việt Nam
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác: không
- Số cổ phần nắm giữ : 500 cổ phiếu, chiếm 0,0021 % VDL
- Nghề nghiệp có liên quan nắm giữ cổ phiếu:



| Stt | Họ & tên NCLQ        | Quan hệ nhân thân | Họ & tên NSCC         | SLCP NCLQ số hộ |
|-----|----------------------|-------------------|-----------------------|-----------------|
| 1   | Nguyễn Thị Quỳnh Anh | Con đẻ            | Đông Nhung Nguyễn     | 52.000          |
| 2   | Đông Thị Ngọc Ngọc   | Chị gái           | Nguyễn Phú Ngọc Hoàng | 500             |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quy định mâu thuẫn với Công ty: Không

## 12.2. Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm soát

### ■ Bà Vũ Thị Hồng Ninh

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban BKS công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Việt Nhất
- Số CMTND: 100825456 do CA Hà Nội cấp ngày 29/05/2001
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 27/02/1986
- Nơi sinh: Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Lộc - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 14 – Ngõ 162 – Đường Khổng Đình – Thanh Xuân – Hà Nội
- ĐT liên lạc công quan: (84-4) 36830624
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
  - o 2003-2007: Sinh viên Đại học Trường Tài chính kế toán
  - o 2008 – 2009: Kế toán Công ty DHC Việt Nam
  - o 2009 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Việt Nhất
  - o T10/2010- nay: Trưởng Ban BKS công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Việt Nhất
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác:
  - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Việt Nhất
- Số cổ phần nắm giữ: 500 trong đó số cổ phần cá nhân: 500 Cổ Phiếu, chiếm 0,0021% VDL
- Nghề nghiệp có liên quan nắm giữ cổ phần: Không



- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quy định nội mâu thuẫn với Công ty: Không

■ Ông Nguyễn Văn Dũng

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam
- Số CMTND: 100650810 do Công An Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/4/2005
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/02/1976
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Mỗ Sơn – Xuân Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh
- ĐT liên lạc cá nhân: (84-4) 36830624
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Cơ Học
- Quá trình công tác:
  - o 1995 - 2000: Sinh viên Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội
  - o 2000 - 2003: Phòng kỹ thuật công ty xây dựng công trình giao thông 121
  - o 2003 - 2007: Công tác tại Công Ty xây dựng công trình giao thông Hà Nội
  - o 2007 – nay : Nhân viên Phòng hành chính Công ty cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam
  - o T10/2010 - nay: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các khác: không
- Số cổ phần nắm giữ : 500 trong đó sốหุ้น cá nhân: 500 Cổ Phiếu, chiếm 0,0021% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Stt | Họ & tên NCLQ/<br>Tên công ty | Quan hệ nhân thân | Họ & tên NSCC   | SLCP NCLQ sốหุ้น |
|-----|-------------------------------|-------------------|-----------------|------------------|
| 1   | Vũ Thị Loan                   | Vợ                | Nguyễn Văn Dũng | 28.960           |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không



- Quy định nội mâu thuẫn nội Công ty: Không

### 12.3. Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban giám đốc

#### ■ Ông Lê Văn Hùng

- Chức vụ hiện tại: Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT
- Lý lịch trình bày chi tiết nêu tại mục 9.2 Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT

#### ■ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Chức vụ hiện tại: Phó giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT
- Lý lịch trình bày chi tiết nêu tại mục 9.2 Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT

#### ■ Ông Phạm Văn Thanh

- Chức vụ hiện tại: Phó giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT
- Lý lịch trình bày chi tiết nêu tại mục 9.2 Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT

#### ■ Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh

- Chức vụ hiện tại: Phó giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT
- Lý lịch trình bày chi tiết nêu tại mục 9.2 Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT

### 12.4. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng

#### ■ Bà Hồ Bích Ngọc

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Lý lịch trình bày chi tiết nêu tại mục 9.2 Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT

## 13. Tài sản

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                    | Thời ngày 31/12/2009 |                  |              | Thời ngày 31/12/2010 |                  |              |
|-----------------------------|----------------------|------------------|--------------|----------------------|------------------|--------------|
|                             | Nguyên giá (VND)     | GT còn lại (VND) | Tỷ lệ (%)    | Nguyên giá (VND)     | GT còn lại (VND) | Tỷ lệ (%)    |
| <b>TSCĐ hữu hình</b>        |                      |                  |              |                      |                  |              |
| Nhà cửa vật kiến trúc       | 128                  | 128              | 100,00       | 947                  | 863              | 91,13        |
| Máy móc thiết bị            | 231.154              | 177.945          | 76,98        | 264.600              | 174.164          | 65,82        |
| Phụ tùng thay thế vận tải   | 10.817               | 6.439            | 59,53        | 15.396               | 9.140            | 59,36        |
| Thiết bị đồ dùng cơ quan lý | 261                  | 48               | 18,39        | 324                  | 82               | 25,62        |
| <b>Tổng</b>                 | <b>242.360</b>       | <b>184.560</b>   | <b>76,15</b> | <b>281.267</b>       | <b>184.249</b>   | <b>65,51</b> |
| <b>TSCĐ thuê tài chính</b>  |                      |                  |              |                      |                  |              |
| Máy móc thiết bị            | 34.449               | 11.629           | 46,26        | 34.449               | 10.194           | 29,59        |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam)



■ **Danh sách tài sản n có đnh l n Công ty tính đ n th i đi m 31/12/2010**

D i đây là danh sách TSCĐ công ty mua đ cho thuê và đ u t liên k t t i các b nh vi n trong c n c.

| STT | Tài sản                                                                          | Nguyên giá | Giá trị còn l i |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------|
|     |                                                                                  | Tri u đ ng | Tri u đ ng      |
| 1.  | H th ng C ng h ng t AIRIS Mate- B ch Mai                                         | 10.302     | 3.004           |
| 2.  | H th ng C ng h ng t AIRIS Mate-CT-CH                                             | 10.335     | 2.009           |
| 3.  | Thuê mua TC 02 h th ng CR Profect-CS- Vi n K                                     | 7.066      | 2.650           |
| 4.  | Thuê mua TC 02 h th ng CR XG5000 liên k t BV Vi t Đ c                            | 6.745      | 2.529           |
| 5.  | Nh p 01 H th ng CHT Aperto liên k t BV 103                                       | 13.393     | 12.054          |
| 6.  | Nh p 01 H th ng C ng h ng t LK BVTBình                                           | 10.126     | 7.032           |
| 7.  | Nh p máy CT đa lát c t Aquilion- BVHà Giang, Tháng 5/2010 chuy n sang LK H ng Ng | 8.900      | 4.079           |
| 8.  | NK máy CT Presto liên k t BV Thái Bình                                           | 7.236      | 2.412           |
| 9.  | C ng h ng t Airis Mate, thu GTGT                                                 | 6.549      | 6.549           |
| 10. | H th ng CT- Scanner Pronto- B ch Mai                                             | 6.261      | 1.913           |
| 11. | Máy C ng h ng t Airis Mate (bao g m VAT, c a Inox )- LK BV C Thái Nguyên         | 6.260      | 5.634           |
| 12. | Máy C ng h ng t Airis Mate (bao g m VAT, c a Inox )- LK BV đa khoa Vĩnh Phúc     | 6.260      | 5.843           |
| 13. | Máy CT- Scanner Eclos 4 lát, bao g m VAT. Tháng 5/2010 LK BV Hà Giang            | 6.251      | 5.556           |
| 14. | Nh p kh u CT W2000 liên k t M o Khê                                              | 5.842      | 1.947           |
| 15. | H th ng máy m m t Laser Excimer- B.Vi n Ch R y                                   | 5.307      | 1.400           |
| 16. | Nh p máy CT Pronto l p cho QBình                                                 | 5.237      | 3.273           |
| 17. | H th ng máy m m t Laser Excimer- BV M t TW                                       | 5.104      | 2.552           |
| 18. | Nh p máy CT X- vision đa lát c t LK BVBình Dân                                   | 5.066      | 1.974           |
| 19. | Máy ch p c t l p vi tính CT- Scanner Presto ( B ch                               | 5.031      | 1.467           |



| STT | Tài sản                                                                                                                                                                                         | Nguyên giá     | Giá trị còn lại |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
|     | Mại)                                                                                                                                                                                            |                |                 |
| 20. | Máy CR-POC360 liên kết với BV Tam Đa - Ng-VP, BV Nông Nghiệp p-HN, BV Cẩm Khê, Thanh Ba- Phú Thọ, BV Vĩnh Thọ - Ng- VP, BV Đà Nẵng, BV Cam Ranh- Khánh Hòa, BV Huế Nghĩa, Mộc Hóa- Long an, ... | 7.681          | 7.512           |
| 21. | Máy CT- Scanner Eclos 4 lát liên kết với BV E- Hà Nội                                                                                                                                           | 4.473          | 4.473           |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                                | <b>149.425</b> | <b>85.862</b>   |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thiệt Bý Y tế Việt Nam)

#### 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

##### 14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

| Chỉ tiêu                                 | Từ 01/01/2010-31/12/2010 | Năm 2011   |                             | 2012       |                             |
|------------------------------------------|--------------------------|------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|
|                                          | Triệu đồng               | Triệu đồng | % tăng giảm so với năm 2010 | Triệu đồng | % tăng giảm so với năm 2011 |
| Doanh thu thuần                          | 421.755                  | 580.000    | 37,52%                      | 870.000    | 50,00%                      |
| Lợi nhuận trước thuế                     | 102.193                  | 150.000    | 46,78%                      | 250.000    | 66,67%                      |
| Lợi nhuận sau thuế                       | 76.598                   | 112.500    | 46,87%                      | 187.500    | 66,67%                      |
| Vốn chủ sở hữu                           | 289.368                  | 415.264    | 43,51%                      | 602.764    | 45,15%                      |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 18,16%                   | 19,40%     | 6,80%                       | 21,55%     | 11,09%                      |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | 26,47%                   | 27,09%     | 2,34%                       | 31,10%     | 14,82%                      |
| Vốn đầu tư thực góp                      | 242.000                  | 242.000    | 0%                          | 242.000    | 0                           |
| Cổ tức (*)                               | -                        | 15%        | -                           | 15%        | -                           |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thiệt Bý Y tế Việt Nam)

(\*): Do mới chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 27/09/2010 nên Công ty chưa có đợt trả cổ tức nào. Công ty không có kế hoạch trả cổ tức cho năm 2010 và có kế hoạch trả cổ tức với tỷ lệ là 15% trong các năm 2011 và 2012 tùy theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### 14.2. Căn cứ để đề xuất kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên.

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên của Công ty Cổ phần Thiệt Bý Y tế Việt Nam dựa trên các căn cứ như sau:

Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, liên kết, khai thác Thị trường. Đây là nguồn thu nhập rõ rệt và ngày càng tăng. Ngoài ra, ngành TBYT đang đầu tư liên kết, tiếp giáp đến cuối năm 2010, Công ty đã ký được thêm nhiều hợp đồng đầu tư liên kết



TBYT và các Bên liên quan, số triển khai vào cuối năm 2010 và đầu năm 2011. Vì vậy, doanh thu, lợi nhuận thu được có thể hoạt động này sẽ tăng thêm khoảng 50-70% so với năm 2010.

Từ năm 2009 -2014, nguồn Trái Phiếu Chính Phủ cấp cho các Bên liên quan để đầu tư, nâng cấp Trang thiết bị y tế có khoảng 44.000 tỷ đồng. Ngoài ra Ngân hàng thế giới (“World Bank”), Tổ chức hợp tác quốc tế Nhật Bản (“Jica”) cũng đang triển khai các dự án tài trợ các Bên liên quan Việt Nam để nâng cấp trang thiết bị y tế. Trong năm 2010, Công ty đã trúng thầu bán cung cấp thiết bị y tế cho các dự án này và đã ghi nhận được khoảng 60 tỷ doanh thu từ các dự án nguồn Trái phiếu chính phủ và 40 tỷ doanh thu từ các dự án mua thiết bị y tế sẽ được nguồn vốn do World Bank và Jica tài trợ. Kết quả thực hiện các dự án trên của Công ty là rất khả quan, tạo được uy tín lớn trong việc đầu tư cung cấp cho những dự án thu được nguồn vốn nói trên. Do đó, nguồn doanh thu lợi nhuận đáng kể trong năm 2011 từ các nguồn này sẽ có số đáng kể, cao hơn nhiều so với năm 2010.

Ngoài ra, các sản phẩm của công ty ngày càng phong phú, công ty đang hợp tác với rất nhiều đối tác nước ngoài để trở thành nhà Phân phối, Đại lý độc quyền cho các Sản phẩm mới như Máy rửa dây nội soi (Kaigen), Máy xét nghiệm Huyết học (Tokyo Boeiki), Vật tư tiêu hao (KODAK, Fuji), thuốc nhuộm (Senjiu). Các dòng sản phẩm mới này sẽ được triển khai tiêu thụ vào năm sau, qua các kênh phân phối có sẵn từ các Bên liên quan hiện đang có quan hệ liên kết với Công ty.

Khoạch lợi nhuận và các tài sản của Công ty còn được bố trí để thực hiện các dự án sẽ đi vào hoạt động trong năm 2011 của Công ty bao gồm:

#### ■ Dự án sản xuất Máy x- quang cao tần

- Tên dự án: Sản xuất máy X- quang cao tần
- Chủ đầu tư: Công ty CP Thiết bị Y Tế Việt Nam đầu tư 100% dự án
- Địa điểm thực hiện dự án: Nhà máy dệt tại Khu công nghiệp Phố Nối B- Huyện Yên-Tĩnh Huyện Yên.
- Mục tiêu dự án:
  - o Trở thành doanh nghiệp đầu tiên trong nước sản xuất được Thiết bị Chẩn đoán hình ảnh với giá cạnh tranh với các Thiết bị x- quang nhập khẩu, để tính giá bán ra của Máy X- quang do công ty sản xuất sẽ bằng 1/3 giá của các hãng nhập khẩu vào Việt Nam, tiếp tục công nghệ vai trò đầu tư của Công ty trong lĩnh vực cung cấp Thiết bị chẩn đoán hình ảnh
  - o Tạo ra nguồn doanh thu, lợi nhuận lâu dài, ổn định cho doanh nghiệp.
- Tổng mức đầu tư của dự án: 20.000.000.000VND
- Tỷ lệ góp vốn dự án của Công ty: 100%
- Thu nhập ước tính: Khoảng 12.000.000.000/năm
- Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm hiện nay: Đến thời điểm hiện nay, Công ty đã chuyển thành công sản phẩm mẫu (với tỷ lệ nội địa hóa 50%). Hợp đồng mua dây chuyền công nghệ sản xuất X- quang của Nhật Bản và trợ giúp kỹ thuật đã được ký kết với đối tác là tập đoàn Hitachi cũng đã được ký kết. Trong năm 2011, Công ty dự kiến sẽ hoàn thiện và cho ra đời sản phẩm do công ty sản xuất vào khoảng tháng 7/2011.



■ **Dự án đầu tư liên kết máy Công nghệ (MRI) và CT- Scanner đa lát cho toàn bộ các Bệnh viện đa khoa tỉnh trên khắp nước:**

- Tên dự án: Dự án đầu tư liên kết máy Công nghệ (MRI) và CT- Scanner đa lát cho toàn bộ các Bệnh viện đa khoa tỉnh trên khắp nước:
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 100% dự án
- Địa điểm thực hiện dự án: tại các Bệnh viện đa khoa khắp các tỉnh thành trên cả nước.
- Mục tiêu dự án: Hiện nay nhu cầu máy chụp Công nghệ (MRI) và máy chụp cắt lớp positron các Bệnh viện trên toàn quốc còn thiếu, nhu cầu khám chữa bệnh và chẩn đoán bệnh của nhân dân ngày càng cao. Để đáp ứng nhu cầu đó, Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ có kế hoạch đầu tư liên kết với các Bệnh viện đa khoa tỉnh hợp tác Công nghệ (MRI) và CT-scanner đa lát để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh nhân khắp cả nước, giảm tình trạng quá tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương. Công ty dự kiến sẽ đầu tư khoảng 20 Máy Công nghệ (MRI) và 30 máy CT- Scanner và tại 40 bệnh viện đa khoa tỉnh trên khắp cả nước.
- Thời gian thực hiện dự án: 60 tháng/năm (Thời gian thực hiện dự án khoảng 02 năm 2011- 2012)
- Tỷ lệ góp vốn dự án của Công ty: 100%
- Thu nhập ước tính của dự án: ước tính khoảng 25 triệu đồng/năm (Thời gian đầu tư, liên kết máy từ 7-10 năm)
- Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm hiện nay: Hiện nay, công ty đã triển khai đầu tư đầu tư trên 40 triệu (khoảng 30% theo dự kiến), lắp đặt liên kết đầu tư 8 máy Công nghệ và 15 máy CT- Scanner tại một số Bệnh viện lớn tại các Thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thái Bình, Cần Thơ, Nghệ An, Thanh Hóa. Trong năm 2011, công ty sẽ tiếp tục triển khai tại các Bệnh viện đa khoa tỉnh.

■ **Dự án đầu tư xe khám lưu động:**

- Tên dự án: Dự án đầu tư thêm 10 xe khám lưu động
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ 100% dự án
- Địa điểm thực hiện dự án: Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Mục tiêu dự án: Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ đã đầu tư đầu tư 11 xe khám lưu động phục vụ cho việc khám bệnh định kỳ của các doanh nghiệp (chủ yếu là các Khu công nghiệp, các doanh nghiệp Nhà nước và Việt Nam). Hiện nay, nhu cầu khám sức khỏe định kỳ của các cán bộ, doanh nghiệp ngày càng nhiều, nhu cầu cao, vì vậy ngoài việc phục vụ khám bệnh định kỳ tại phía Bắc, công ty dự kiến triển khai thêm 10 xe khám lưu động để triển khai tại phía Nam bởi nhu cầu khám định kỳ tại các Khu công nghiệp phía Nam như Bình Dương, Đồng Nai là rất lớn.
- Thời gian thực hiện dự án: 25 triệu VND (khoảng 2,5 triệu đồng/xe)
- Tỷ lệ góp vốn dự án của Công ty: 100%



- Thu nhập bình quân tính cả Dự án: bình quân 5.000.000.000/năm
- Thời điểm thực hiện dự án đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đã đầu tư mua 11 xe trên tổng số 20 xe theo dự kiến. Việc triển khai khám bệnh chủ yếu tại các khu công nghiệp gần địa bàn Hà Nội. Năm 2011, Công ty sẽ triển khai rộng rãi trên khắp miền Bắc và triển khai đầu tư vào miền Nam.
- **Dự án tăng cường đầu tư liên kết máy X-quang số hóa tại các Bệnh viện đa khoa khu vực, đa khoa tuyến huyện tại khu vực các tỉnh thành trên cả nước.**
- Tên dự án: Dự án tăng cường đầu tư liên kết X-quang số hóa tại các Bệnh viện đa khoa khu vực, đa khoa tuyến huyện tại khu vực các tỉnh thành trên cả nước.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam đầu tư 100% dự án
- Địa điểm thực hiện dự án: toàn bộ các Bệnh viện đa khoa khắp các tỉnh thành trên cả nước.
- Mục tiêu dự án: Hiện nay, các thiết bị X-quang số hóa do Công ty đầu tư đã có mặt khắp các Bệnh viện Trung ương, bệnh viện đa khoa tỉnh trên cả nước và thu được hiệu quả kinh tế cao. Ngoài việc đầu tư X-quang số hóa cho các Bệnh viện lớn (TB số ca chụp 150 - 300 ca/ngày) thì công ty còn có các dòng sản phẩm thích hợp với các Bệnh viện đa khoa khu vực, đa khoa tuyến huyện (Trung bình 50-100 ca/ngày), đáp ứng nhu cầu của các Bệnh viện tuyến huyện và nhu cầu hiện đại hóa công nghệ phục vụ cho công tác chẩn đoán bệnh hiệu quả. Từ đầu năm 2010, công ty đã tiến hành đầu tư các dòng sản phẩm X-quang số hóa phù hợp với các Bệnh viện tuyến huyện nhằm trang bị, hiện đại hóa Thiết bị y tế cho các Bệnh viện tuyến huyện, bệnh viện vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao công tác chẩn đoán bệnh cho y bác sĩ.
- Tổng mức đầu tư cả dự án: 40.000.000.000 VND/2 năm (khoảng 60 máy tại 50 bệnh viện đa khoa tuyến huyện)
- Tỷ lệ góp vốn dự án của Công ty: 100%
- Thu nhập bình quân tính cả Dự án: bình quân 12.000.000.000/năm (trung bình 200tr/01 máy). Ngoài khoản thu nhập từ liên kết máy, công ty còn thu được nguồn lợi nhuận khá ổn định từ việc bán vật tư tiêu hao.
- Thời điểm thực hiện dự án đến thời điểm hiện tại: Đến ngày 31/12/2010, công ty đã tiến hành đầu tư mua 40 máy tại 35 bệnh viện.

#### 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận

Dưới góc độ chủ sở hữu, Công ty Cổ phần Chẩn đoán Khoan Bệnh Việt Nam đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến kinh doanh của Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Công ty có mục tiêu tăng trưởng bền vững cùng với nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định từ các hoạt động kinh doanh chính trong những năm tới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đưa ra trong năm 2011 là có tính khả thi và Công ty cũng đảm bảo được các chỉ tiêu tài chính cho các đồng nhà đầu tư hàng năm.



Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dựa trên góc độ mà tất cả các tài liệu đưa ra trên cơ sở thông tin thu thập được có sẵn và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá trị hợp lệ của khoản cũng như tính chính xác của các số liệu được báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo cho các nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư.

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Công ty có công văn số 02/2011-CVCKJV ngày 19/04/2011 gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội xin hoãn thời gian thực hiện cam kết đăng ký niêm yết năm 2011 đến chậm nhất là ngày 30/06/2011;

Theo công văn số 0003-11/CVGT ngày 25/01/2011 của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Nam gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty cam kết thực hiện cam kết đăng ký niêm yết và bổ sung thành viên BKS còn thiếu trong cuộc họp ĐHCĐ gần nhất.

Hiện nay, Công ty có 3/8 thành viên HĐQT không tham gia công tác điều hành. Do các thành viên này có quan hệ huyết thống (cha/mẹ ruột) với các thành viên HĐQT, làm giảm tính độc lập của HĐQT. Để phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty để chứng minh ý, Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Nam đã có công văn số 08/2011-CKJVC ngày 18/05/2011 gửi Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, xin cam kết sẽ thực hiện việc thay thế dần các thành viên Hội đồng quản trị có mối quan hệ huyết thống trong các kỳ Đại hội cổ đông thường niên tiếp theo.

#### **17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT****1. Loại chứng khoán**

Cổ phần phổ thông

**2. Mệnh giá**

Mệnh giá của cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu

**3. Tổng số cổ phiếu niêm yết**

Tổng số cổ phiếu niêm yết là 24.200.000 cổ phiếu

**4. Giá niêm yết dự kiến: 31.000 đồng/Cổ phần****5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành: 14.795.000 cổ phiếu**

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 và việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cam kết không chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu mà các thành viên này nắm giữ 14.794.500 cổ phiếu trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số lượng cổ phiếu trên trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Các thành viên BKS và HĐQT của công ty chỉ đối diện trực tiếp cá nhân, không đối diện với cho bất kỳ hình thức nào khác.

**6. Phương pháp tính giá**

Phương pháp P/E:

Giá trị nội tại của cổ phần Công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam được tính theo phương pháp chi số giá trị thuần. Phương pháp này dựa trên thu nhập trên một cổ phần ("EPS") của Công ty trong 4 quý gần nhất và chi số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của một số công ty kinh doanh cùng phạm vi và thị trường niêm yết trên SGDCK Tp. HCM, SGDCK Hà Nội và UpCom tại thời điểm 31/12/2010 (xem bảng so sánh các công ty ngành dược và thị trường dược ở đây).

Thu nhập trên một cổ phần ("EPS") của Công ty trong năm 2010 = LNST 2010/Số CP đang lưu hành = 76,6 tỷ đồng/24,2 triệu cổ phiếu  $\approx$  3.161 đồng/CP.

Hệ số bình quân P/E của các công ty ngành dược và y tế tại thời điểm 16/05/2011 là 10,53 lần (theo Bảng so sánh một số công ty kinh doanh cùng ngành).

Do đó, giá dự kiến của cổ phiếu CTCP Thiệt Bại Y Tế Việt Nam theo phương pháp P/E là:

|                    |                     |                       |
|--------------------|---------------------|-----------------------|
| EPS                | (1)                 | 3.161 đồng/CP         |
| P/E trung bình     | (2)                 | 10,53 lần             |
| <b>Giá dự kiến</b> | <b>(3)=(1)x (2)</b> | <b>33.300 đồng/CP</b> |

Phương pháp P/B:



Giá trị mới của công ty Cổ phần Thiệt Bại Y Tế Việt Nam được tính theo phương pháp chia giá trị trên Giá trị sổ sách mới của phiếu ("P/BVPS"). Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách trên mới của công ty ("BVPS") của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và chia giá trị trên Giá trị sổ sách trên mới của công ty (P/B) bình quân của một số công ty kinh doanh cùng lĩnh vực và thị trường niêm yết trên SGDCK Tp. HCM và SGDCK Hà Nội và UpCom tại thời điểm 16/05/2011 (xem bảng so sánh các công ty ngành dược và thị trường dược ở đây).

Giá trị sổ sách mới của phiếu ("BVPS") của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 = Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2010 / Số CP đang lưu hành = 289,3 tỷ đồng/24,2 triệu cổ phiếu = 11.900 đồng/CP phiếu

Hệ số bình quân P/B của các công ty ngành Thiệt Bại Y Tế - Dược tại thời điểm 16/05/2011 là 1,40 lần. (theo Bảng so sánh một số công ty kinh doanh cùng ngành).

Do đó, giá đề nghị của cổ phiếu CTCP Thiệt Bại Y Tế Việt Nam theo phương pháp P/B là:

|                    |                     |                       |
|--------------------|---------------------|-----------------------|
| BVPS               | (1)                 | 11.900 đồng/CP        |
| P/B trung bình     | (2)                 | 1,40 lần              |
| <b>Giá đề nghị</b> | <b>(3)=(1)x (2)</b> | <b>16.660 đồng/CP</b> |

Giá niêm yết đề nghị:

Công ty lựa chọn mức giá chào sàn của công ty là mức giá nằm trong khoảng từ 16.660 đồng/CP (theo phương pháp P/B) và 33.300 đồng/CP (theo phương pháp P/E)

|                             | <b>Giá (đồng/CP)</b> |
|-----------------------------|----------------------|
| Theo P/E                    | 33.300               |
| Theo P/B                    | 16.660               |
| <b>Giá niêm yết đề nghị</b> | <b>31.000</b>        |



| Bảng so sánh một số công ty kinh doanh dịch vụ – thị trường cùng ngành Công ty | Công ty Cổ phần Hà Tây | Công ty Cổ phần Thương mại Đà Nẵng | Công ty Cổ phần Y tế và Chăm sóc sức khỏe Vimedimex |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Mã                                                                             | DHT                    | DDN                                | VMD                                                 |
| Sàn Giao dịch                                                                  | HNX                    | Upcom                              | HoSE                                                |
| Số Cổ lưu hành (CP)                                                            | 4.122.620              | 2.800.000                          | 8.141.196                                           |
| EPS 4 quý gần nhất (đồng)                                                      | 3.740                  | 1.970                              | 2.840                                               |
| GTSS/ cổ phần (đồng)                                                           | 25.100                 | 19.040                             | 17.480                                              |
| Giá trị ngày 16/05/2011 (đồng)                                                 | 33.400                 | 28.000                             | 24.000                                              |
| P/E 4 quý gần nhất (lần)                                                       | 8,93                   | 14,24                              | 8,42                                                |
| P/B quý gần nhất (lần)                                                         | 1,33                   | 1,47                               | 1,37                                                |
| P/E trung bình (lần)                                                           | 10,53                  |                                    |                                                     |
| P/B trung bình (lần)                                                           | 1,40                   |                                    |                                                     |

**Nguồn:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009, báo cáo quý năm 2010 và Quý I/2011 của các Công ty được đăng trên website của SGDCK Tp.HCM và SGDCK Hà Nội.

**Ghi chú:**

Giá ngày 16/05/2011 của các cổ phiếu công ty Cổ phần – thị trường đem ra so sánh được tính là giá đóng cửa cuối ngày đối với cổ phiếu niêm yết trên SGDCK Tp. HCM, và được tính là giá trung bình trong ngày đối với cổ phiếu niêm yết trên SGDCK Hà Nội và Sàn giao dịch Upcom

## 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo điều 10 của Công ty thì nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 10% vốn điều lệ của công ty và vì vậy, nhà đầu tư nước ngoài được tự do chuyển nhượng cổ phần Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Theo quy định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ và theo tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong đó quy định về chủ sở hữu, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên TTCK Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phần của công ty cổ phần (bao gồm công ty đại chúng niêm yết và chưa niêm yết), trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và chi nhánh của các tổ chức này tại nước ngoài và tại Việt Nam; tổ chức thành lập và hoạt động tại Việt Nam có tự do tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%; quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán có tự do tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%; Cá nhân nước ngoài là người không mang quốc tịch Việt Nam, cư trú tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam.

## 8. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)



- **Thuế giá trị gia tăng:** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%.
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Công ty nộp thuế giá trị thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.
- **Thuế xuất, nhập khẩu:** Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.
- **Đội với các loại thuế khác:** Công ty tuân thủ theo Luật thuế và các chính sách về thuế của nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp.



## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

### TỔNG CÔNG TY KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính (IFC-ACA Group)



Địa chỉ:

Phòng 1501 nhà 17T1, Trung Hòa - Nhân Chính,  
Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại:

(84-4) 6 2811 488

Fax

(84-4) 6 2811 499

Website:

[www.acagroup.com.vn](http://www.acagroup.com.vn)

### TỔNG CÔNG TY VIỆT NAM NIÊM YẾT:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt Nam



Trụ sở chính: 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 3588

Fax: (84-8) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: số 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999

Fax: (84-04) 3941 0844

Website: [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)



## VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III: BCTCKT năm 2009, BCTCKT giai đoạn 01/01/2010 -26/09/2010 của Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật, BCTCKT giai đoạn 27/09/2010-31/12/2010 của Công ty CP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật và BCTCKT năm 2010, BCTC Quý I/2011
4. Giải trình của Công ty Kiểm toán
5. Các Cam kết của Tổ chức niêm yết
6. Các Tài liệu liên quan khác
7. Giới thiệu các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động của Công ty

Luật Doanh nghiệp

Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Luật Thu thuế thu nhập Doanh nghiệp số 14/2008/QH ban hành ngày 03/06/2008

Luật Đầu tư Thụ ngày 29 tháng 11 năm 2005

Luật Công nhân tranh ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Luật Thương mại ngày 02/12/1998

Văn bản pháp luật liên quan đến các tiêu chuẩn kế toán và thuế do Bộ Y tế ban hành, Giấy phép nhập khẩu số 3395/BYT-TB-CT cấp ngày 31/05/2010; Thông tư số 08/2006/TT-BYT ngày 13/06/2006; thông tư 09/2006/TT-BYT;

Văn bản pháp luật quy định về việc nhập khẩu và phân phối thiết bị y tế của Tổng cục Hải quan, Bộ Thương mại. Bộ Khoa học Công nghệ, Nghị định số 89/2006/ND-CP ngày 30/08/2006; Thông tư số 09/2007/TT-BKHCN ngày 06/04/2007.



Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2011

Đi kèm với chứng phát hành - Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

|                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br><b>CHỦ TỊCH HĐQT</b><br><br><b>LÊ VĂN HƯỚNG</b> | <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b><br><br><b>LÊ VĂN HƯỚNG</b>             |
| <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b><br><br><b>HỒ BÍCH NGỌC</b>                                                                                    | <b>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</b><br><br><b>VŨ THỊ HẢI NINH</b> |



Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2011

Đi di n t c c t v n - Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI



NGUYỄN QUANG BÌNH